

## V. VIỆC TANG

### "Thọ Mai gia lễ" là gì?

"*Thọ Mai gia lễ*" là gia lễ nước ta, có dựa theo *Chu Công gia lễ* tức gia lễ thời xưa của Trung Quốc nhưng không rập khuôn. Mặc dù gia lễ từ triều Lê đến nay có nhiều chỗ đã lỗi thời nhưng khi trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân, nên đến nay từ Bắc chí Nam vẫn còn phổ biến áp dụng, nhất là tang lễ.

Tác giả của *Thọ Mai gia lễ* là Hồ Sỹ Tân (1690-1760) hiệu Thọ Mai, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đỗ Tiến sĩ năm 1721 (năm thứ 2 triều Bảo Thái), làm quan đến Hàn lâm Thị chế.

Trong *Thọ Mai gia lễ* có trích dẫn một phần của *Hồ Thượng thư gia lễ*. Hồ Thượng thư tức Hồ Sỹ Dương (1621-1681) cũng người làng Hoàn Hậu, đỗ Tiến sĩ năm 1652 tức năm thứ 4 triều Khánh Đức, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Hình, tước Duệ Quận công.

## Ba cha, tám mẹ là những ai?

Theo *Thọ Mai gia lễ*:

Ba cha là:

(1) *Thân phụ*: Cha sinh ra mình.

(2) *Kế phụ*: Sau khi cha chết, mẹ lấy chồng khác, chồng mới của mẹ là kế phụ, hay bố dượng.

(3) *Dưỡng phụ*: Bố nuôi.

Tám mẹ là:

(1) *Đích mẫu*: Vợ cả của bố.

(2) *Kế mẫu*: Khi còn nhỏ mẹ đã mất, cha lấy vợ khác để nuôi mình.

(3) *Từ mẫu*: Mẹ chết từ khi mình còn nhỏ, cha sai người vợ lẽ nuôi mình, cho bú mớm.

(4) *Dưỡng mẫu*: Mẹ nuôi (cha mẹ nghèo cho mình để người khác nuôi).

(5) *Xuất mẫu*: Là mẹ sinh ra mình nhưng bị cha rẫy ra.

(6) *Giá mẫu*: Là mẹ sinh ra mình, nhưng khi cha mất thì đi lấy chồng khác.

(7) *Thứ mẫu*: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ của cha.

(8) *Nhũ mẫu*: Mẹ vú, cho mình bú mớm từ khi còn bé.

Trên đây là định nghĩa theo *Thọ Mai gia lễ*, đấy là chưa đề cập đến những người đã lấy vợ lấy chồng thì cha mẹ vợ, cha mẹ chồng cũng

như cha mẹ mình. Như vậy, còn ba loại nhạc phụ và tám loại nhạc mẫu. Tất cả phải là 6 cha, 16 mẹ.

### **Chúc thư là gì?**

"*Chúc*" là lời dặn dò, phó thác. "*Chúc thư*" hay "*Di chúc*" là lời dặn của người chủ gia đình, người lãnh đạo đất nước trước khi mất. Chúc thư, di chúc viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Nếu không biết chữ, hoặc yếu quá không viết được nữa thì nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ vào. Di chúc của nhà vua gọi là di chiếu.

Nội dung chính của chúc thư thường là việc chia gia tài. Nhà có bao nhiêu ruộng đất, nhà cửa, chia cho con trai con gái, ai được hưởng khoản nào, mấy mẫu, mấy sào, ở đâu, còn lại bao nhiêu dành cho mẹ làm của dưỡng lão, giao cho người nào chăm nom. Nếu còn nợ làng, nợ họ cũng giao phó cho con nào phải đòi, phải trả. Quy định dành bao nhiêu ruộng hương hỏa, giao cho con trưởng hoặc cháu đích tôn. Di chiếu của nhà vua giao cho ai là đại thần cố mệnh phò thái tử lên ngôi. Nếu ngôi thái tử chưa định thì truyền chỉ cho hoàng tử nào nối ngôi...

Ngày nay, nam nữ bình đẳng, nếu cha mất trước đã có mẹ nắm toàn bộ quyền hành. Trước đây, người mẹ, người vợ sau ba năm tang chồng

nếu muốn tái giá thì đi tay không, nếu ở lại nuôi con cũng không được nắm toàn quyền, còn phải lệ thuộc vào các ông chú, ông bác trong họ. Nếu còn có nợ thì phải trả hết. Vì vậy, có những gia đình giàu có nhưng vô phúc, bạc đức: Cha mẹ nằm xuống anh em đùn đẩy nhau, chưa lo việc chôn cất, chỉ chăm chăm tranh giành tài sản. Vì vậy, khi còn khỏe, các cụ đã phải lo xa: chia gia tài trước, định trách nhiệm sẵn, mua sắm bộ hậu sự (áo quan), có người còn dặn trước cả việc chôn cất, tang chế, cỗ bàn, đình đám...

Tóm lại, có thể hiểu chúc thư như di chúc ngày nay.

### **Cư tang là gì?**

Thời xưa, dù làm quan đến chức gì, theo phép nước, hễ cha mẹ mất đều phải về cư tang ba năm, trừ trường hợp đang bận việc quân nơi biên ải hay đi sứ nước ngoài. Lệ này không quy định đối với binh lính và nha lại. Nếu ai vì tham quyền cố vị, giấu giếm không khai báo để về cư tang, bị đàn hặc vì tội bất hiếu, sẽ bị triều đình xử phạt biếm truất. Trong thời gian cư tang, lệnh vua không đến cửa.

Ba năm cư tang là ba năm chịu đựng gian khổ, nhẫn nhục, không dự mọi cuộc vui, không dự lễ cưới, lễ mừng, không uống rượu (ngoài chén rượu cúng cha mẹ), không nghe nhạc vui,

không ngủ với vợ hoặc nàng hầu, trừ trường hợp chưa có con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra ai sinh con trong thời kỳ này cũng bị coi là bất hiếu. Không được mặc gấm vóc, nhung lụa, không đội mũ đi hia, thường đi chân không, cùng lắm chỉ đi guốc mộc hoặc giày cỏ.

Dù làm đến tể tướng trong triều, khi khách đến viếng cha mẹ mình, bất kể sang hay hèn cũng phải cung kính chào mời và lạy tạ (hai lạy hoặc ba vái dài). Khi ra đường, không sinh sự với bất kỳ người nào. Ở trong nhà, đối với kẻ ăn người ở cũng không được to tiếng.

Ba năm sâu muộn, tự nghiêm khắc với chính mình, rộng lượng với kẻ dưới, cung kính với khách bạn, để tỏ lòng thành kính với cha mẹ.

Ngày nay không còn lệ cư tang, nhưng chúng ta nên biết qua lệ cư tang của ông cha ta ngày xưa, hậu sinh có thể học được nhiều điều trong thái độ ứng xử.

### **Vì sao có tục mũ gai, đai chuối và chống gậy?**

Tục đội mũ rơm quán thật to quanh đầu, thắt lưng bằng dây gai, dây chuối ngày nay đã lỗi thời, nhiều nơi đã bãi bỏ; còn tục chống gậy chỉ áp dụng đối với con trai tang cha (gậy tre), tang mẹ (gậy vông) vẫn còn hiện hữu ở nhiều địa phương.

Nguyên do: Đồi xưa, đường đi lại còn hẹp, có khi còn phải leo núi cao, người mất được chôn cất ở nơi xa khu dân cư, trong rừng núi, có nơi chôn ở triền núi đá có nhiều hang động. Đã có trường hợp, người con vì quá thương xót cha mẹ, khóc lóc thảm thiết, đến nỗi không kể gì đến sinh mạng của mình, đập đầu vào vách đá, hoặc khi leo núi đi về vì thương cảm quá mất cả thăng bằng ngã lăn xuống vực. Để tránh tình trạng trùng tang thảm hại đó, người ta mới đặt ra lệ phải quấn quanh đầu những vật liệu mềm, xóp để nếu va vấp đỡ gây tổn thương và đặt ra lệ phải chống gậy để đi lại an toàn hơn. Vật liệu dễ kiếm nhất, giàu nghèo ai cũng có thể tự liệu được và ở đâu cũng có thể kiếm được để làm chất đệm, đó là rơm, lá chuối, dây gai, dây đay. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của một số người, dần dần trở thành phong tục phổ biến.

Vì ngày thường lao động ở đồng ruộng, núi rừng hoặc đi lại đều mặc quần áo gọn bó vào người, đến khi có tang tế phải mặc dài rộng, dễ vướng gai góc nên phải có dây đai, tục đó cũng xuất xứ từ việc tránh nạn trùng tang.

### **Ngũ phục là gì?**

Theo *Thọ Mai gia lễ*, có năm hạng tang phục tùy theo quan hệ huyết thống và nghĩa tình phân biệt thân sơ:

### **1. Đại tang: trảm thối và tề thối**

- Quần áo xô gấu gọi là trảm thối: con để tang cha.

- Quần áo không xô gấu gọi là tề thối: con để tang mẹ, vợ để tang chồng khi cha chưa mất.

- Thời hạn: 3 năm, đời sau giảm bớt còn 2 năm 3 tháng (sau lễ giỗ đại tường 2 năm, thêm 3 tháng dư ai).

- Áo xô, khăn xô có hai giải sau lưng (gọi là khăn ngang). Nếu cha mẹ đều đã mất thì hai giải bằng nhau, nếu còn mẹ hoặc còn cha thì hai giải dài ngắn lệch nhau.

- Con trai chống gậy: tang cha gậy tre, tang mẹ gậy vông, mũ rơm quán đầu, dây chuối, dây đai thắt lưng.

Ngày nay nhiều nơi đã bãi bỏ những tang phục này. Ở thành phố nhiều nhà dùng băng đen theo tang chế châu Âu.

- Con trai, con gái, con dâu đều để tang cha mẹ (kể cả đích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu, từ mẫu và dưỡng phụ).

- Vợ để tang chồng.

- Nếu con trai trưởng mất trước thì cháu đích tôn để tang ông bà nội cũng đại tang thay cha.

### **2. Cơ niên: để tang một năm**

Từ cơ niên trở xuống dùng khăn tròn, vải trắng, không gậy.

- Cháu nội để tang ông bà nội.

- Con riêng của vợ để tang bố dưỡng nếu bố dưỡng có công nuôi và ở cùng, nếu không ở cùng thì không tang; trước có ở cùng sau thôi thì để tang 3 tháng.

- Con để tang mẹ đẻ ra mình nhưng đã bị bố rầy (xuất mẫu), hoặc cha chết, mẹ lấy chồng khác (giá mẫu).

- Chồng để tang vợ cả, có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.

- Cháu để tang bác trai, bác gái, chú, thím và cô ruột.

- Anh, chị em ruột để tang cho nhau (cùng cha khác mẹ cũng tang 1 năm, cùng mẹ khác cha thì tang 5 tháng).

- Cha mẹ để tang con trai, con gái và con dâu cả, kể cả con đẻ nhưng đã đi làm con nuôi nhà người.

- Chú, bác, thím, cô ruột để tang cho cháu (con anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho cháu trưởng (đích tôn).

- Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu để tang các con chồng; thứ mẫu để tang con mình và con chồng như nhau, đều 1 năm. Tang con dâu cả cũng 1 năm.

- Con dâu để tang mẹ kế của chồng (tức vợ lẽ cha chồng).



- Con rể để tang cha mẹ vợ (vợ chết đã lấy vợ khác cũng vậy).

- Nàng hầu để tang cha mẹ chồng, vợ cả của chồng, các con chồng cũng như con mình (các họ hàng bàng thân bên nhà chồng đều không tang).

### **3. Đại công: để tang 9 tháng**

- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho nhau.

- Cha mẹ để tang con dâu thứ hoặc con gái đã lấy chồng.

- Chú, bác, thím ruột để tang cháu (con gái đã xuất giá, con dâu của anh em ruột).

- Cháu dâu để tang ông, bà của chồng, chú, bác, thím ruột hoặc cô ruột của chồng.

- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.

- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

### **4. Tiểu công: để tang 5 tháng**

- Chắt để tang cụ (hoàng tang: chít khăn vàng).

- Cháu để tang anh, chị, em ruột của ông nội (ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô).

- Con để tang vợ lẽ, nàng hầu của cha (nếu cha giao cho nuôi mình thì để tang 3 năm như mẹ đẻ).

- Cháu để tang đường bá thúc phụ mẫu và đường cô (anh, chị em con chú, bác ruột của cha).

- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho vợ của nhau.

- Anh chị, em họ 4 đời để tang cho nhau.

- Anh chị em chung mẹ khác cha để tang cho nhau (vợ con của anh chị em ấy thì không tang).

- Chú bác ruột để tang cho cháu dâu (con dâu của anh em ruột).

- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô để tang cho cháu (tức là cháu nội của anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho vợ cháu đích tôn hoặc cháu gái xuất giá.

- Cháu để tang ông bà ngoại và cậu ruột, dì ruột (anh chị em ruột của mẹ, kể cả đối với anh chị em ruột của đích mẫu, thứ mẫu, kế mẫu).

- Cháu dâu để tang cô ruột của chồng.

- Chị dâu, em dâu để tang anh chị em ruột của chồng và con của những người đó (tức là cháu gọi bằng bác, bằng thím).

### **5. Ty ma phục: để tang 3 tháng**

- Chít để tang can (ky) nội (ngũ đại: hồng tang - chít khăn đỏ).

- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú (tầng tổ bá thúc phụ mẫu và tầng tổ cô, tức là anh em ruột với cụ nội).

- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng (chị em ruột với ông nội).
- Cháu để tang cô bá (chị em con chú con bác ruột với bố).
- Con để tang bố dượng (nếu trước có ở cùng, sau mới về bên nội).
- Con để tang nàng hầu của cha.
- Con để tang bà vú (cho bú mớm).
- Cháu để tang tộc bá thúc phụ mẫu (anh em cháu chú cháu bác với cha).
- Chồng để tang vợ lẽ, nàng hầu.
- Anh chị em họ nội 5 đời để tang cho nhau.
- Bố mẹ vợ để tang con rể.
- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.
- Ông của chồng để tang cháu dâu.
- Cụ để tang chất nội.
- Cháu để tang vợ cậu, chồng cô, chồng dì có cùng ở một nhà.
- Anh chị em con cô ruột và bạn con dì ruột để tang cho nhau.
- Cậu ruột để tang vợ của cháu trai.
- Cháu dâu để tang ông bà ngoại của chồng, cậu ruột, dì ruột chồng.
- Cháu dâu để tang các ông bà anh chị em ruột với ông nội chồng.
- Chắt dâu để tang cụ nội của chồng.

- Cụ để tang chất nội trai gái.
- Ông bà để tang các cháu gái của con nhà chú, nhà bác.

Ngoài ngũ phục trên còn có một số quy định:

*Tang bên cha mẹ nuôi:*

- Kỳ bên cha nuôi: 3 tháng; cụ bên cha nuôi: 5 tháng, ông bà: 1 năm.

- Cha mẹ nuôi: áo bằng gấu, hoặc xô gấu, tang 3 năm có cả gậy.

- Từ ông bà trở lên: nếu mình thừa trọng cũng xô gấu 3 năm.

- Ông bà sinh ra mẹ nuôi: tang 5 tháng.

*Tang họ nhà mình (đã là con nuôi người khác, để tang bên họ mình):*

- Ông bà sinh ra cha: 9 tháng.

- Cha mẹ sinh ra mình: 1 năm có gậy.

- Bác trai, bác gái, chú, thím và cô là anh chị em ruột với cha: 9 tháng. Cô đã xuất giá: 5 tháng.

- Anh chị em ruột: 9 tháng; chị dâu, em dâu: 3 tháng; chị em đã xuất giá: 5 tháng.

- Ông bà sinh ra mẹ thì 3 tháng.

Xét trong lễ có nói rằng: Con gái đã xuất giá thì các tang có giáng, song đi lấy chồng, hoặc phải chồng rẫy bỏ, hoặc chồng chết, con lại không có, trở về nhà cũng như chưa lấy chồng, tang chẳng có giáng.

Nếu đang để tang cha mẹ được 1 năm mà chồng rầy bỏ thì phải tang cha mẹ 3 năm; hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn thì chẳng được để lại 3 năm; dù phải chồng rầy trước, sau mới để tang cha mẹ chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì chẳng nên về vội, phải nên tang trọn 3 năm.

Trường phục: có 3 loại:

(1) Trưởng trường: từ 16-19 tuổi

(2) Trung trường: từ 12-15 tuổi

(3) Hạ trường: từ 8-11 tuổi

(Đều lấy thứ tự giáng một bậc)

Ví dụ: trai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dù còn trẻ cũng không thể gọi là trường được, như vốn mình phải tang 1 năm trưởng trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn tang 9 tháng, trưởng trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng, các trường hợp khác đều như thế suy ra.

### **Cha mẹ có để tang con không?**

Tang phục thể hiện nghĩa tình, có phân biệt thân sơ. "Họ đương 3 tháng, lảng giềng 3 ngày" thể hiện lòng thương xót giữa kẻ mất người còn. Theo *Thọ Mai gia lễ*, không những người thân mà người ngoài đến phúng viếng cũng

nên đeo băng tang và không chỉ cha mẹ để tang con mà ông bà, cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chất.

*Thọ Mai gia lễ* quy định như vậy nhưng ở một số địa phương Bắc Bộ quan niệm "*phụ bất bái tử*" (cha không lạy con), con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, là bất hiếu, con chưa kịp báo hiếu cha mẹ đã trốn nợ đời, chẳng những cha mẹ không để tang con mà khi khâm liệm con còn phải quấn trên đầu tử thi một vòng khăn trắng. Nếu người chết là phụ nữ mà tứ thân phụ mẫu vẫn còn thì phải quấn đến hai vòng, có nghĩa là ở dưới cõi âm cũng để tang báo hiếu sẵn cho cha mẹ đang ở dương trần.

### **Tại sao có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con?**

Tử biệt sinh ly ai không thương xót, nhưng theo quy luật tự nhiên, cha mẹ già yếu từ trần, con báo hiếu cha mẹ, đưa tang bố mẹ là lẽ thường tình. Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh. Giờ phút hạ huyết là giờ phút đau thương đến cực điểm, có nhiều ông bố, bà mẹ đã bị ngất lịm. Đã có nhiều trường hợp mẹ chết luôn bên huyết chôn con. Hơn nữa, ngày xưa, phương tiện và thuốc thang cấp cứu khó khăn, không cho cha mẹ đưa tang con để voi bót nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang là đúng.

Chẳng những cha mẹ mà các ông bà già trong nội thân, sức đã tàn cũng không được dự đưa tang, sợ ảnh hưởng đến sức khoẻ.

### **Đám tang trong ngày Tết, tính liệu ra sao?**

Ngày Tết Nguyên đán là ngày vui của toàn dân tộc, ngày mở đầu cho vận hội hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng. Gia đình phải tạm gác mối sầu riêng để hoà chung với niềm vui toàn dân tộc. Vì vậy có tục lệ cất khăn tang trong ba ngày Tết. Nhà có đại tang kiêng không đi chúc Tết, mừng tuổi bà con, hàng xóm; ngược lại bà con hàng xóm lại cần đến chúc Tết và an ủi gia đình bất hạnh.

Trường hợp gia đình có người chết vào ngày 30 hoặc mồng một Tết thì sao? Nếu ngày 30 tháng chạp mà gia đình có thể định liệu được thì nên chôn cất cho kịp trong ngày đó, nếu để sang năm mới thì có nhiều điều bất tiện. Đa số các gia đình kiêng để sang ngày mồng một đầu năm. Trường hợp chết đúng vào ngày mồng một Tết thì chưa phát tang vội nhưng phải chuẩn bị mọi việc để sáng mồng hai làm lễ phát tang.

### **Cưới hôn tang là gì?**

Đó là trường hợp "ưu hỷ trùng trùng" - vui và buồn dồn vào một lúc. "Sinh hữu hạn, tử vô kỳ", cuộc đời có hạn nhưng ai biết trước chết

vào lúc nào. Theo lễ nghi, khi trong nhà còn tang, trên đầu còn vành khăn trắng, nhất là đại tang, thì tránh mọi cuộc vui. Nhưng lễ cưới đã chuẩn bị sẵn, nếu quá câu nệ thì gay go cho hai gia đình, nhiều trường hợp tình duyên đôi lứa bị dang dở, nhất là các gia đình cả đôi bên bố mẹ đều đã già, có khi đợi đến bảy tám năm sau chưa hết tang. Vì vậy, tục lệ xưa cũng có khoản "*Cưới bên tang*", tức là "cưới chạy tang".

Khi đó người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục. Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa ai được khóc. Hàng xóm có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì chưa đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Trong khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới, cũng làm đủ cả lễ đưa dâu, đón dâu, yết cáo gia tiên, lễ tơ hồng... nhưng lễ vật rất đơn sơ, thành phần giản lược, bó hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân nhân. Khách, bạn đã mời cũng miễn, sẽ thông cảm sau. Công việc cưới gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu, chú rể trở thành thành viên của gia đình, chịu tang chế như mọi con cháu khác. Nếu hai gia đình thông cảm cho nhau, có thể



trong một ngày, từ sáng đến trưa cưới dâu, chiều tối phát tang cũng được.

### **Người dự đám tang nên như thế nào?**

Dù thân hay sơ, đã đến dự đám tang phải nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người đã khuất, tình ưu ái đối với tang quyến. Thật là bất lịch sự nếu cười nói, đùa giỡn trong lúc tang chủ đang đau buồn.

Ở nông thôn, nhiều nơi còn lệ tục cỗ bàn ăn uống linh đình trong đám tang, thực không hợp tình, hợp cảnh. Đành rằng việc ăn uống là không tránh khỏi, nhưng chỉ nên hạn chế trong số người đến giúp việc và thân nhân ở xa về. Đối với bà con, làng xóm, khách, bạn thì tang lễ không phải là dịp để "trả nợ miệng".

Nếu như chưa bỏ được hủ tục rượu chè đình đám thì trong tang lễ, mọi người cũng nên tự kiểm chế mình, giúp được việc gì thì tận tình giúp đỡ, không tiện về nhà ăn cơm thì cũng không nên hạch sách, trách móc.

Cũng cần lưu ý các bạn trẻ: Khi đi dự đám tang không nên ăn mặc loè loẹt, lối lãng, hở hang, như vậy rất không hợp cảnh sẽ gây khó chịu cho nhiều người.

### **Đi đường gặp đám tang nên như thế nào?**

Hồi mới tiếp quản Thủ đô (năm 1954), chúng

tôi đã chứng kiến nhiều đám tang rất nghiêm túc, trật tự. Mọi người đi đường đều tự giác tuân thủ kỷ cương xã hội, trật tự giao thông.

Nếu gặp đám tang ngược chiều, không ai bảo ai, dù vội đến đâu cũng đều xuống xe, kể cả người đi xe máy hay xích lô đều ngả mũ nón, dắt bộ qua đám tang rồi mới lên xe. Ôtô thì chậm lại, không bóp còi.

Nếu đi cùng chiều, không tiện xuống xe thì đi chậm lại và ngả mũ.

Thân nhân đi tiễn đưa đều tự giác đi có hàng lối, trật tự. Lái xe đám tang ăn mặc theo lễ phục, tác phong cử chỉ rất nghiêm trang.

### **Người sắp chết có những dấu hiệu gì báo trước?**

Thật kỳ lạ, xưa nay đã ai chết hai lần đâu mà biết trước rút kinh nghiệm, nhưng có những cụ cao tuổi có khả năng "tri thiên mệnh" biết trước được ngày mất của mình, mặc dù ngày hôm trước vẫn mạnh khỏe, thậm chí có người còn tính trước được giờ mất, đánh điện cho con cháu ở xa về. Trong trường hợp đó gia đình phần nào đã chủ động chuẩn bị tang lễ, nhưng những trường hợp đó rất ít.

Đối với những người già yếu, có những dấu hiệu gì báo trước giờ hấp hối có thể quan sát được?

- Xem thần sắc: Chủ yếu xem hai đáy mắt còn tinh anh nữa không hay đã đục mờ.

- Sờ chân tay xem còn nóng hay đã lạnh, người sắp chết thường lạnh dần từ chân lên. Có người còn nhận biết mình đã chết đến đâu.

- Mạch rất trầm, có khi người còn sống nhưng không bắt mạch được. Đối với người suy tim, sờ tưởng như tim đã ngừng đập, nhưng vì đập yếu nên không phát hiện được.

- Để một ít bông vào lỗ mũi mà bông không còn động đập tức là đã tắt thở.

Có người đau ốm lâu dài, bỗng nhiên mạnh khoẻ trở lại và rất tỉnh táo, nhiều khi đó là dấu hiệu của ngọn đèn hết dầu loé sáng lên để rồi tắt ngấm. Các cụ già thường bỏ ăn, hoặc là rất muốn ăn nhưng ăn được rất ít trước khi mất.

Cũng có trường hợp, mệnh đã tuyệt nhưng có lẽ vì nuôi con nuôi cháu ở xa chưa gặp được, hoặc do được bỏ thâm hồi dương với hy vọng có thể qua khỏi hoặc kéo thêm ít giờ để tránh ngày xấu như trùng tang, trùng phục... nên có thể kéo dài thêm chút ít.

### **Thân nhân hấp hối, người nhà cần làm gì?**

- Dời người sắp mất sang phòng chính tẩm, đầu hướng về phía đông.

- Hỏi xem có dặn dò trăng trối gì không.

- Đặt thụy hiệu (tức tên hèm) rồi hỏi người đó có đồng ý không.

- Luôn luôn có người túc trực bên cạnh.
- Người có theo tôn giáo thì làm lễ cầu nguyện theo phép của từng tôn giáo.
- Chuẩn bị mọi thứ để tắm gội (làm lễ mộc dục) và khâm liệm (lễ nhập quan).

## **Sau khi thân nhân mất, gia đình cần làm những gì?**

Chúng tôi chỉ nêu lên những việc cần làm đối với những trường hợp già yếu, mất tại nhà, theo phong tục cổ truyền. Trường hợp mất tại bệnh viện hoặc mất dọc đường, quán trọ, chết vì tai nạn, gươm súng, xe cộ, rắn độc, thủy hoả tai,... không đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ thao tác và nghi lễ, vậy nên châm chước, tùy nghi vận dụng:

### **1. Lễ mộc dục (tắm gội)**

Lúc tắm gội cho người vừa chết thường để sẵn một con dao nhỏ, một vuông vải (khăn), một cái lược, một cái thìa, một ít đất ở ông đồ rau, một nồi nước ngũ vị hương và một nồi nước nóng khác. Lúc tắm, vây màn cho kín, tang chủ quỳ xuống khóc, người hộ việc cũng quỳ rồi cáo từ rằng: Nay xin tắm gội để sạch bụi trần, xong phục xuống, đứng dậy. Cha thì con trai vào tắm, mẹ thì con gái vào tắm. Lấy vuông vải đắp vào nước ngũ vị, lau mặt, lau mình người vừa chết cho sạch rồi dùng lược chải tóc, lấy sợi vải

buộc tóc, lấy khăn khác lau hai tay hai chân, lại lấy dao cắt móng tay móng chân, mặc quần áo cho chỉnh tề. Móng tay móng chân gói lại để vào trong quan tài; móng tay để trên, móng chân để dưới; dao, lược, thìa và nước ngũ vị đem đi chôn; rước thi thể đặt lên giường.

## **2. Sau lễ mộc dục, thời gian chưa nhập quan**

Đắp chăn hoặc chiếu, bông màn, đặt một chiếc ghế con phía trên đầu, trên đó đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng một đôi đũa trên bát cơm và thắp hương. Có địa phương còn có tục để thêm một con dao trên bụng, (có lẽ để trừ tà ma hay quỷ nhập tràng).

## **3. Lễ phạn hàm**

Lễ này theo tục xưa bỏ gạo và tiền vào miệng tránh tà ma ác quỷ đến cướp đoạt, để tiền vong linh đi đường xa được siêu thoát. Lễ này ngày nay nhiều nơi đã bỏ, có nơi thay thế bằng cách may một cái túi, trong túi dựng một ít tiền gạo và một vài đồ lặt vặt mà khi sống, người đó hay dùng đến.

Theo *Thọ Mai gia lễ*, lễ này được tiến hành như sau:

Lấy ít gạo nếp xát cho sạch, ba đồng tiền mài cho sáng (nhà giàu thì dùng vàng hoặc viên ngọc trai).

Tang chủ vào khóc quỳ, người chấp sự cũng

quỳ, cáo từ rằng: nay xin phạm hàm, phục duy  
hâm nạp. Người chấp sự lần lượt xướng: sơ  
phạm hàm, tái phạm hàm, tam phạm hàm. Tang  
chủ ba lần, mỗi lần xúc một ít gạo và một đồng  
tiền tra vào mồm bên phải, rồi đến bên trái,  
cuối cùng vào giữa. Xong, bóp mồm lại, phủ mặt  
như cũ.

#### **4. Lễ khâm liệm nhập quan**

Các con vào, con trai bên trái, con gái bên  
phải. Người chấp sự xướng: tự lập (đứng gần  
vào), cử ai (khóc cả lên), quỳ. Chấp sự cũng quỳ  
mà cáo từ rằng: Nay được giờ lành, xin rước  
nhập quan. "Cẩn cáo" xong lại xướng: phủ phục  
(lễ xuống), hưng (dậy), bình thân (đứng thẳng).

Sau đó các con cháu tránh ra hai bên, người  
giúp việc quay vào đều cầm tạ quan nâng lên  
để đưa người vào cho êm ái, đặt cho chính  
giữa quan tài, nếu có chỗ nào cần lấy áo cũ  
của người vừa mất bỏ khuyết cho đầy đủ, rồi  
gấp dưới lên đầu trước, bên trái gấp trước,  
bên phải gấp sau, trên đầu gấp sau cùng, sơn  
nẹp đóng lại. Cần lưu ý rằng: những quần áo  
của người đang sống, hoặc quần áo mà người  
đang sống có mặc chung thì kiêng không được  
bỏ vào áo quan.

Đồ khâm liệm: nhà giàu dùng nhiều vóc  
nhiều, tơ, lụa; nhà thường dùng vải trắng may

làm đại liệm (1 mảnh dọc, 5 mảnh ngang) hoặc tiểu liệm (1 mảnh dọc, 3 mảnh ngang). Ngày trước quy định đại liệm hay tiểu liệm vì vải khổ nhỏ, ngày nay, dùng vải khổ rộng, miễn kín chân, tay, đầu, gót là được.

"Tục ta nhiều người tin theo thầy phù thủy, trong quan tài thường có mảnh ván đục sao Bắc Đẩu thất tinh. Trước khi nhập quan thường chọn giờ, tránh tuổi rồi dùng bùa dán ở trong và ngoài quan tài. Có người cho là chết phải giờ xấu thì bỏ cỗ bài tổ tôm hoặc quyển lịch hoặc tàu lá gồi để trấn áp ma quỷ"<sup>1</sup>.

Mọi việc xong thì sơn gấn quan tài cho kỹ càng, đặt chính giữa gian giữa, nếu nhà còn người tôn hơn thì đặt sang gian cạnh.

### **5. Lễ thiết linh (sau khi nhập quan)**

Là thiết lập linh vị, đặt bàn thờ tang.

Khi chưa chôn, lấy lễ thờ người sống mà lễ, nên mỗi lần lạy chỉ lạy hai lạy, trong linh vị và văn khấn dùng chữ "cố phụ", "cố mẫu" thay cho "hiển khảo", "hiển tỷ".

### **6. Lễ thành phục**

Tức là con cháu mặc đồ tang để cúng tế và đáp lễ khi khách đến viếng. Trước khi thành phục, nếu có khách đến thì người chủ tang chưa ra tiếp mà người hộ tang thay mặt tiếp khách.

---

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục, Sđd*, tr.31.

Sau lễ thành phục mới chính thức phát tang. Sau đó thân bằng cố hữu, hàng xóm mới đến phúng viếng.

### **Tại sao có tục hú hồn trước khi nhập quan?**

Vì đã có những trường hợp bị choáng, ngất, bất tỉnh nhân sự, người ta dùng mọi thủ thuật để kích thích thì hồi tỉnh, trong đó có thuật hú hồn hú vía. Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là chết rồi, nhưng sau một thời gian bỗng nhiên sống trở lại. Do đó với một hy vọng dù mỏng manh, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo, quần của người đã tắt thở, leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú "ba hồn bảy vía ông" hoặc "ba hồn chín vía bà" về nhập xác. Hú ba lần không được thì đành lòng chịu khâm liệm mà tin rằng như vậy hồn đã vất vưởng, biết tìm đường về nhà (khâm liệm xong vẫn chưa nỡ đóng chốt áo quan). Đây là một phong tục chủ yếu để thaở mãn tâm linh.

### **Trường hợp chết đã cứng lạnh, người cơ rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào?**

Theo kinh nghiệm dân gian: hơi lửa và nắn dần cho thẳng ra, hoặc dùng cồn, rượu xoa bóp, nếu vẫn còn cứng lại thì có thuật dùng hai chiếc đũa cả để hai bên mép áo quan rồi cho thi hài



lột xuống dần, khi thi hài đã lọt vào áo quan rồi phải cắt bỏ những dây buộc chân, buộc tay, buộc vai, buộc hông để người chết có tư thế nằm thoải mái.

### **Người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan?**

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, chè búp, bông nếp hoặc khăn áo vóc nhiễu... Trong quan, ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng. Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, nhất là ngày xưa chết xong chưa chôn ngay, còn phải sắm đầy đủ lễ vật, tế khí, họ hàng, làng xóm xa gần phúng viếng linh đình, phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

### **Tại sao phải đề phòng “quỷ nhập tràng”?**

Theo quan niệm xưa, “quỷ nhập tràng” là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cữ để phòng xa. Gọi là "quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết. Nguyên nhân là do điện tích âm tích tụ trong thi thể người mới

chết gặp phải luồng điện dương cực mạnh thì cuốn hút nên xác chết tự nhiên bật dậy.

Vì vậy, theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết, việc kiêng cử nhất là không để cho mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ấm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống tức thì. Hiện tượng xác chết đuối theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc dỡ ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

### **Sau lễ thành phục, trước khi an táng phải làm những gì?**

Ngày nay thủ tục đơn giản, để giữ vệ sinh không nên để quá 24 giờ. Thời xưa có những nhà năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng hàng huyện đến phúng viếng; dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ tế khí và cỗ bàn thết đãi linh

đình; thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng hằm hoi. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quàn tạm trong vườn, vài ba tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có Lễ triêu tịch diện: Buổi sáng dậy bưng khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quấn màn lên cáo từ rằng: Ngày đã sáng rồi, xin rước linh bạch ra linh toạ. Sau đó rước hồn bạch<sup>1</sup> ra đặt vào ỷ, vắt màn, dọn chăn gối, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chăn chiếu, thả màn xuống. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phần xong mới lạy 4 lạy theo lễ lạy người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có lễ chúc thực (trông bó đuốc trước sân); phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà, ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng viếng, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, hễ

---

1. Hồn bạch là một dải lụa hoặc vải màu trắng, đắp trên ngực khi người gần mất, lấy ra thắt thành hình người có đầu, mình, hai tay, hai chân đặt lên linh toạ. Ngày nay thay bằng bức chân dung có viền đen xung quanh.

khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trầu nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa về kịp thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc diếu văn cũng chưa dùng chữ "Hiển khảo" (cha), "Hiển tử" (mẹ) mà dùng chữ "Cố phụ" (cha), "Cố mẫu" (mẹ).

Ở thành phố ngày nay đã có nhà lạnh, nhưng ở nông thôn để năm bảy ngày trong nhà, phải làm sao cho khỏi nhiễm uest khí? Điều quan trọng nhất là người trị tang phải có kinh nghiệm: Áo quan vỏ dày, gỗ tốt, trám thật kín, không để một khe hở nào. Đáy áo quan lót những chất chống ẩm như lá chuối, giấy bản, than, vôi, chè khô, bông nếp. Các khe hở của áo quan được bịt kín trước bằng sơn ta, nhựa đường, dán giấy tráng kim. Nếu để lâu phải có trong quan ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng rang khô nóng. Phủ trên thi hài các thứ hương vị để khử uest khí.

Trước ngày an táng còn có thêm tục "Lễ yết cáo tổ tiên", nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở

dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về châu tổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình đặt lại trên linh toạ.

### **Điều hành công việc lễ tang**

Trong lúc tang gia bối rối nếu không có người chủ đạo điều hành, công việc sẽ rất lúng túng và phạm nhiều sai sót.

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên là tang gia phải mời được *người hộ tang*. Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội đối ngoại.

Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời *người chấp sự*. Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mộ đục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng, thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư vấn (viết văn cúng, văn tế, bài vị, long triện, đối, trướng, cáo phó...).

*Người thu lễ*: Sau khi thành phục cho đến hết ba ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở nhà ngoài, hễ có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ

đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

*Người chấp hiệu:* Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách. Người chấp hiệu là người chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu thay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải bằng hiệu lệnh hai thanh gỗ ngắn cầm tay cho đến lúc hạ huyết, tháo dây đòn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài.

Nếu gia đình nào tự thu xếp để con cháu khiêng áo quan thì phải chú ý chọn người chấp hiệu nhiều kinh nghiệm.

*Chủ tang và chủ phụ:* là con trai trưởng và con dâu trưởng. Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu con trai trưởng mất thì cháu đích tôn thừa trọng là chủ tang khi làm lễ tang ông bà, các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế; vợ của người cháu là chủ phụ khi bà của chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chổng gậy lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế,

nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

Những phong tục nghi lễ ngày xưa khá phức tạp, ngày nay đã được cải tiến, một số tục lệ lạc hậu, lỗi thời đã bị nhiều vùng bãi bỏ, ví dụ tục lẫn đường, đuổi tà ma ác quỷ. Lệ tục chung như vậy, nhưng việc vận dụng vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Có gia đình đông con cháu, có của ăn của để, sung túc đề huê, có gia đình nghèo của ít người nên phải tùy nghi châm chước.

### **Lễ an táng tiến hành như thế nào?**

Tùy từng địa phương, từng tôn giáo, mỗi nơi lễ nghi phong tục một khác. Trước đây có thôn ấp cử những người trai tráng trong làng, trong xóm ra khiêng quan tài và lo việc chôn cất. Nơi có hội tư văn, thì hội tư văn đứng ra lo điều hành công việc theo hương ước định sẵn. Hiện nay ở nông thôn có các hội trợ tang, thành phố, thị xã có ban quản lý nghĩa trang, một số chi hội trọng thọ các phường, xã hoạt động, đứng ra lo liệu chu đáo.

Lễ an táng tiến hành tùy theo hoàn cảnh từng nhà, "giàu làm kép, hẹp làm đơn". Ở đây chỉ đề cập phần tang gia cần làm gì:

- Khi có người thân mất, tang chủ cần đến báo gấp, để cùng bàn bạc theo quy ước đã định.

- Trước đây, tang chủ có khoản tiền thưởng cho người chấp hiệu và những phu kiệu. Nếu từ khi đưa áo quan lên kiệu, đi đến huyệt mà chén rượu, đĩa dầu lạc để trên áo quan không sóng sánh ra ngoài thì tang chủ đưa tiền thưởng rất hậu.

- Thân nhân theo thứ tự thân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc đi sau xe quan tài theo tục "cha đưa mẹ đón".

- Hạ huyệt xong, tất cả những người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

- Đắp mộ xong mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.

Bên cạnh, nghi thức chung như trên, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yểm bùa, nhốt con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân..., rắc vàng khẩu dọc đường, cắm hương ở các mộ xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc, cảm ơn người đắp mộ...

### **Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng?**

Hơi lạnh hay âm khí, tà khí có ở xác người chết không?



Chưa ai đo nhiệt độ cụ thể trong thi thể người chết nhưng nhiều người đã công nhận người mới chết lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ bình thường của con người cũng như của môi trường xung quanh.

Hiện tượng đó được giải thích như sau: Con người đang ở nhiệt độ bình thường ( $37^{\circ}\text{C}$ ), tự nhiên mất nhiệt thì nhiệt độ không chỉ hạ xuống ngang với nhiệt độ môi trường mà còn tụt xuống thấp hơn, sau đó một thời gian nhiệt độ mới nhích dần lên tới thể ổn định.

Dân gian công nhận hiện tượng hơi lạnh ở nhà người mới chết là hiện tượng có thực, hiện tượng vướng phải hơi lạnh bị ốm cũng là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những người bị các chứng kinh niên như phong thấp, huyết áp cao, tâm thần..., còn đối với những người mạnh khỏe thì ít người bị ảnh hưởng.

Có thuyết cho rằng: Những người đồng khí huyết (con cái với cha mẹ, anh chị em ruột hoặc gần huyết thống) thì không bị nhiễm hơi lạnh, không có phản ứng gì kể cả khi ôm ấp thi hài và khâm liệm. Tuy nhiên, để phòng xa, người ta vẫn kiêng không cho các bậc cao lão, phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh hoặc sản phụ, hài nhi đến dự khâm liệm, an táng và cải táng.

Có người hấp thụ phải hơi lạnh thì phản ứng tức thì. Có người trực tiếp khâm liệm, nhiễm

hơi lạnh, bản thân khoẻ mạnh không việc gì, nhưng để phòng ngừa cho người ở nhà nên trước khi vào nhà có người già, ốm yếu, trẻ sơ sinh vẫn phải xông khói. Những người hàng xóm xung quanh nhà có lễ tang, nếu có cụ già, trẻ nhỏ ốm yếu thường đặt sẵn ở cửa ra vào một lò than đốt vỏ bưởi và quả bồ kết để trừ uế khí. Những người nghi bị chó dại cắn, gia đình thường tuyệt đối cách ly đám tang và nghĩa trang, vì sợ rằng vướng phải hơi lạnh chưa kịp chạy chữa đã phát bệnh.

### **Lễ ba ngày (Lễ tế ngu)**

Tục này không thống nhất, có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có lễ ba ngày mà chỉ có lễ tế ngu gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". Ngu nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách. Theo *Thọ Mai gia lễ*, khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu (tức là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức ngày Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giản lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn,

theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mộ, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ, ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức là cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Còn có một lập luận khác: có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

- Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.

- Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.

- Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lìa khỏi xác. Âm - dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách, vậy phải tế sau khi mất, sau khi làm lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Ngày nay cũng có trường hợp sau khi chết 4-5 ngày còn để trong nhà lạnh chưa chôn nên không thể làm lễ ba ngày trước lễ an táng.

### **Tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày?**

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm chính là giờ phút đầm ấm nhất.

Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ bắt đầu ăn rồi mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm thứ hai còn mời lần nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đũa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xới cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hướng chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì thì cúng thứ ấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đũa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thoả nguyện tâm linh, "lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương".

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

- Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng hết 49 ngày (tức là lễ chung thất) vì theo thuyết của Phật giáo: Qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty; sau 7 tuần linh hồn đã được siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức là lễ tốt khóc, nghĩa là thôi khóc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa, thời gian này linh

hồn vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Chúng tôi cho rằng phong tục này có căn cứ khoa học: Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dù ở cách nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát kiến đó để giải thích về chiêm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết. Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm trí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, nhưng vỏ não chưa bị hủy, xung động điện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng linh hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

## **Lễ chung thất và tốt khốc có phải chọn ngày không?**

“Chung thất” là lễ cúng 49 ngày. “Tốt khốc” là cúng 100 ngày.

Theo *Thọ Mai gia lễ*, cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm lễ cúng 49 ngày và 100 ngày, không nên có sự chuyển dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu... Theo gia lễ, lễ chung thất, tốt khốc, tiếu tường, đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự. Xin lưu ý: tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không đợi thiệp mời như lễ mừng, lễ cưới, không có chuyện "hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không mời thì thôi).

## **Lễ nào là lễ trọng?**

Đây là câu hỏi phổ biến của nhiều gia đình:

- Trong một năm có nhiều lễ giỗ: giỗ cha, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ, v.v., giỗ nào quan trọng hơn cả?

- Sau khi an táng xong có lễ 3 ngày, 49 ngày, 100 ngày, lễ giỗ đầu, lễ giỗ thứ hai, v.v., lễ nào là lễ chính?

Trước đây chưa thấy ghi trong điển lễ, nhưng ngày nay lại là vấn đề rất đáng quan tâm, vì nhà nào con cháu nội ngoại công tác cư trú phân tán mỗi người một nơi (không mấy gia đình không có người đi xa), trong một năm chỉ có điều kiện tụ hội gia đình một hoặc hai lần nhân ngày lễ trọng của gia đình; hoàn cảnh kinh tế eo hẹp, muốn mời bà con, khách, bạn trước là tới dự lễ gia tiên cùng thoả nguyện tâm linh, sau là để tỏ tình thân hiếu, không thể rải ra nhiều lần, vậy phải xác định tập trung vào lễ chính.

Về lễ giỗ, phong tục các nơi nói chung đều thống nhất lấy giỗ cha, mẹ là chính (chú ý cha, mẹ của người tôn trưởng nhất trong nhà), còn lễ tang thì phong tục mỗi nơi một khác. Có nơi chú trọng lễ 49 ngày là chính, có nơi coi lễ 100 ngày là chính, có nơi làm lễ 3 ngày xong xuôi tốt đẹp là được, bởi vì trong khi tang gia bối rối, việc đáp lễ đối với thân bằng cố hữu và những người đến hộ tang có thể còn nhiều khiếm khuyết nên lấy lễ 3 ngày làm lễ trọng, để nhân lễ này tang gia tạ ơn những người chăm sóc cha mẹ mình khi đau yếu và giúp đỡ gia đình lo xong phần

an táng. Có nơi coi trọng lễ giỗ đầu (gọi là "tiểu tường"), có nơi coi trọng lễ giỗ thứ hai (gọi là "đại tường", còn gọi là "giỗ hết"). Có lập luận cho rằng: đã gọi là "đại tường" (nghĩa là tốt đẹp lớn) thì bao giờ cũng tốt hơn "tiểu tường". Xét theo lễ nghi, ngày nay kết hợp đại tường và đàm tế có nhiều nghi tiết phức tạp hơn tiểu tường (xem phần: "Cách tiến hành đàm tế").

Tóm lại, hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh sinh hoạt xưa và nay khác nhau, đây là vấn đề thiết thực, nhất là đối với những gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế và con cháu làm ăn xa nên tùy theo phong tục từng nơi, hoàn cảnh cụ thể từng nhà mà thoả ước với nhau, có điều kiện thì hội tụ gia đình, ai ở xa nhớ ngày làm lễ tưởng niệm cũng được.

### **Khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào?**

Lễ "trừ phục" có thể hiểu dân gian là lễ hết tang. Cũng có người, có nơi lấy tên một nghi thức chính của lễ này đặt tên cho lễ hết tang. Đó là lễ đàm tế. Thực ra, trừ phục gồm ba lễ:

**1. Lễ sửa mộ:** đắp sửa mộ thành mộ tròn.

**2. Lễ đàm tế:** cất khăn tang, huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang, thu cất các bức trướng, câu đối viếng.



**3. Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên:** Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thân và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

### **Vì sao có tục đốt vàng mã?**

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống...

Người chết cũng được chia một phần gia tài. Ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nội dung, mâm gỗ, ấm đất, bát đĩa, dao rựa, chần chiếu, quần áo, mũ nón... đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trầu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các

đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "phép thiêng biến ít thành nhiều". Áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau ba năm mục nát, không nở dùng vào việc khác, người ta đốt đi, dần dần sinh ra lệ đốt thêm quần áo mới, quần áo mới bằng vải lại được thay thế bằng quần áo giấy. Vì vậy mới có câu tục ngữ "đi với ma mặc áo giấy".

### **Chiêu hồn nạp táng là gì?**

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục mộ táng ở đâu. Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng". Vậy "Chiêu hồn nạp táng" là gì?

Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Các cụ kể lại rằng chất liệu làm hình nhân có nhiều loại, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mộc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi. Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi); có địa phương dùng bùn lầy ở giữa lòng sông; có địa

phương dùng đất mùn đào ở giữa ngã tư đường cái.

Hình nhân được đẽ gọt hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40 cm chiều dài. Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép để vong hồn nhập vào hình nhân.

Lễ an táng và các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

### **Hình nhân thế mạng là gì?**

Ở nước ta chưa có tục tuần táng<sup>1</sup> nhưng trước đây có tục đốt hình nhân thế mạng, vốn xuất xứ từ tục tuần táng, nhưng nhân đạo hơn so với tuần táng.

Để vua chúa xuống dưới âm cung có người

---

1. Tuần táng là tục chôn sống người. Đó là một tục dã man, vô nhân đạo. Khi lãnh chúa chết thì cung phi, nữ chúa và một số nô tỳ cũng bị chôn theo, nếu là hoá táng thì cùng lên giàn hoá, để sang thế giới bên kia tiếp tục hầu hạ lãnh chúa.

hầu hạ, ở nước ta không có tục lệ chôn sống người mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quần bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó thầy phù thủy làm phù phép, vẽ bùa, đóng ấn. Sau khi tế lễ xong, đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhằm nhí sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thế mạng...

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền phong kiến đã ra lệnh cấm hủ tục này. Người nào cố tình vi phạm, nếu phát hiện được sẽ bị phạt nặng. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức. Ngày nay, chúng tôi thấy hủ tục này lại có cơ phát triển, cho nên việc bài trừ hủ tục nhằm nhí này là cần thiết, phù hợp với việc xây dựng nền văn hoá mới.

### **Tại sao phải cải táng? Những trường hợp nào không nên cải táng?**

... Người mất, sau ba năm đoạn tang rồi hoặc một vài năm nữa thì con cái lo việc cải táng.

Trước hôm cải táng làm lễ cáo từ đường. Đến hôm cải táng, lại làm lễ khấn thổ công chỗ để mả mới táng.

Trước hết khai mả, nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành, rảy nước vang vào rồi che dầy thật kín, không cho ánh sáng mặt trời lọt vào được. Nhà phú quý thì dùng quan quách liệm như khi hung táng.

Đoạn, đem cải táng sang đất khác. Còn quan tài cũ nát thì bỏ đi, tốt thì đem về dùng hoặc làm cầu, hoặc làm chuồng trâu chuồng ngựa, để trâu ngựa đứng cho khỏi sâu chân.

Cải táng có nhiều cố.

Một là, vì nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không có tiền lo liệu, mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, kéo sọt ván hư nát thì hại đến di hài.

Hai là, vì chỗ đất có mối kiến, nước lụt thì phải cải táng.

Ba là, vì các nhà địa lý thấy chỗ mả vô cố mà sụt đất hoặc cây cối ở trên mả tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có người bị tâm thần, hoặc đau ốm liên miên, hoặc có kẻ nghịch ngợm, phá phách sinh ra kiện tụng lôi thôi, thì cho là tại đất mà cải táng.

Bốn là, những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải

táng. Lại có người thấy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Trong khi cải táng, tục lại có ba điều là tường thụy (tức là mả phát tốt đẹp) mà không cải táng:

Một là, khi đào đất thấy có căn rấn vàng thì cho là long xà khí vật. Hai là, khi mở quan tài ra thấy có dây tơ hồng quấn quýt thì cho là đất kết. Ba là, hơi đất chỗ đó ấm áp, trong huyết khô ráo không có nước hay là nước đóng giọt lại như sữa đều là tốt. Khi nào gặp như thế thì phải lập tức lấp lại ngay.

Nhà phú quý thì xây lăng, nhà thường thì dựng mộ chí, đợi khi tuần tiết đến thăm viếng.

Tục cải táng vẫn có người áp dụng; nhưng cũng có nhiều người khi hung táng, sắm sửa quan quách kỹ càng, nên không cần phải cải táng.

Tục này còn bởi người ta tin rằng tổ tiên với con cháu huyết mạch tương quan với nhau. Hễ hài cốt tổ tiên có ấm cúng thì con cháu mới mát mặt, hài cốt không yên thì con cháu cũng không yên, cho nên mới có tục ấy.

Nhiều người tin thầy địa lý quá, mời thầy địa lý phụng dưỡng hai, ba tháng trong nhà để đi tìm đất. Có nhà động thấy trong nhà không yên thì lại cải táng, có khi cải táng đến năm, sáu lần.

Thiết tưởng hài cốt tiên nhân, nếu có lòng kính trọng thương xót thì chớ nên di di, dịch lại. Trừ những khi vạ bất đắc dĩ thì phải cải đi, không nên vì công danh phú quý là việc hy vọng chưa trông thấy mà làm đến việc thương tâm thảm mục. Vả lại, sự khai mả cũng có khi quan hệ đến việc vệ sinh thì lại là việc không nên làm. Còn như gia đình hay dở thì tại người sống một khôn một dại khác nhau, chứ không phải tại đất. Nếu có tại đất cũng không dễ mà tìm được, chẳng qua nhà nào có phúc hậu thì tự nhiên gặp hay, nhà nào bạc ác thì có khi gặp dở, cần gì phải uống công mệт sức đi cầu cái việc vu vơ làm gì...<sup>1</sup>.

### **Thiên táng là gì?**

Ngày xưa có người đi làm ăn xa nhà, dọc đường chẳng may bị cảm nắng, cảm gió mà chết đột ngột, có người cùng đi hoặc người qua đường nhận ra, chỉ kịp đánh dấu chỗ người chết nằm xuống, chưa kịp chôn cất, đến nhà báo cho tang quyến. Khi người nhà đến nơi thì mối đã vùi lấp hết tử thi. Thân nhân cho rằng đó là huyết đất tốt, trời đã dành cho và chôn hộ nên gọi là "thiên táng", tương lai gia đình sẽ phát đạt, vậy

---

1. Xem Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, *Sđđ*, tr. 39.

cứ để nguyên mà vun cao lên, không cải táng. Những ngôi mộ thiên táng như vậy thường ở ven đường cái. Ngày nay dọc đường quốc lộ, lác đác còn nhìn thấy có những ngôi mộ cổ đắp đất, gọi là thảo mộ, trải qua hàng trăm năm mưa gió dập vùi, nhưng vẫn được tôn cao, trong số đó phần lớn là những ngôi mộ vô thừa nhận vì chết dọc đường, người nhà không tìm thấy. Mộ vẫn được đắp cao, không ngớt hương khói do những cư dân xung quanh và khách buôn bán qua lại thờ cúng vì tin rằng những âm hồn đó thiêng, phù hộ độ trì cho khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt.

### **Đất dưỡng thi là gì?**

Có những ngôi mộ cổ do kỹ thuật ướp xác, trải qua hàng trăm năm da thịt vẫn còn nguyên vẹn không hoại. Nhưng còn có những ngôi mộ lâu đời không sử dụng kỹ thuật ướp xác mà da thịt vẫn còn nguyên do chôn vào đất dưỡng thi.

"Đất dưỡng thi" là loại đất gì, gồm những yếu tố hoá học nào, nhiệt độ và độ ẩm ra sao, có những đặc điểm gì để tìm ra đất dưỡng thi thì chưa ai rõ, hoặc giả xưa kia có thầy am hiểu thuật phong thủy đã tìm ra, ngày nay đã thất truyền hoặc giả do ngẫu nhiên, tình cờ gặp mà không biết. Chỉ biết rằng đó là một môi trường trong đó cả vi khuẩn hiếu khí và yếm khí đều bị



hủy diệt. Hy vọng trong tương lai, khoa học phát triển hoặc sẽ có nhiều người để tâm nghiên cứu, điều bí ẩn của đất dưỡng thi sẽ được khám phá.

### **Tại sao kiêng đắp mộ trong vòng tang?**

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả. Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh, làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi xung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ chọc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến thăm viếng, thắp hương chỉ lấy đất xung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Xét ra tục kiêng ấy rất có lý: Trong ba năm đó, áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mộ bị sập. Sập mả, động mả, mặc dù là hiện tượng tự nhiên, nhưng cũng gây cho tang gia nhiều lo lắng.

### **Tại sao cải táng mộ thường tiến hành khi chưa có ánh sáng mặt trời?**

Có lý luận cho rằng, âm - dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp rọi vào. Nhưng theo chúng tôi, xuất phát từ kinh

nghiệm thực tế, có nhiều trường hợp gập đất dưỡng thi hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh mặt trời trực tiếp rọi vào thì rửa ra ngay và teo lại. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung?

### **Ma trời hay ma chơi ?**

Tiếng khu Bốn (cũ) gọi là "ma trời", Bắc Bộ gọi là "ma chơi". Chúng tôi chưa rõ biến âm hay xuất xứ của ngôn từ ám chỉ loại ma đó "chơi với", "chơi đùa với trần thế" hay "trêu chọc cho xấu hổ". Trong *Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh*, Nguyễn Du có viết:

*Lập lòe ngọn lửa ma trời*

*Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.*

Ma trời là ngọn lửa lập lòe yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất, rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập lòe ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Các cụ già thì giải thích, đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma hoặc trên cánh đồng không mông quạnh. Nhưng khoa học đã giải

thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và súc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy.

Sở dĩ có hiện tượng tưởng là ma trời đuổi là vì khi ta chạy đã tạo nên một luồng không khí cuốn hút ngọn lửa ấy vờn theo.

### **Tại sao, tại sao và tại sao?**

- Tại sao có tục đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát cơm, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt trên đầu người chết suốt trong thời gian chửa nhập quan?

- Tại sao người ta cắm một cái cọc kim loại dưới chân giường người chết?

- Tại sao khi chửa nhập quan, người ta đặt ngang một con dao trên bụng người mới chết?

- Tại sao trên nắp áo quan, người ta luôn luôn thắp hương, nén (nếu không có nén thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyệt không để tắt hương, đèn?

- Tại sao hai bên hương án, phía gần kê áo quan, người ta đặt hai cây chuối con?

- Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và thân nhân túc trực quanh linh cữu

(lễ "chúc thực" ban đêm, "chúc" nghĩa là chúc, đóm, "thực" nghĩa là trông; lễ "chúc thực" nghĩa là lễ "trông bó chúc")?

- Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?

- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chất đốt có thể dùng trấu, than, củi hoặc giẻ rách...)?

- Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo? (tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).

- Tại sao phải nhốt mèo trong nhà khi có người mới chết?

- Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải trèo lên mái nhà dỡ một vài viên ngói, hoặc vài chót lá tranh (đối với nhà bịt nóc và ít cửa)?

.....

Những câu hỏi trên cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm - dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng "quỷ nhập tràng". Xuất phát từ kinh nghiệm dần dần bắt chước nhau trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương,

nến, đèn, đuốc, than, trấu, dõ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát cơm, quả trứng, cây chuối, để thu hút hơi lạnh. Nếu bỏ đôi quả trứng thì có nhiều quả lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió. Nhốt mèo để đề phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cắm cọc kim loại dưới giường người chết, dõ mái nhà... là những thuật triệt tiêu những luồng điện âm - dương hút nhau.

Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất là dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như ngâm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trầu và xông khói vỏ bưởi, bồ kết trước và sau khi đến lễ tang.

## VI. GIỖ, TẾT, TẾ LỄ

### Bái vật là gì?

Quan niệm cổ xưa không riêng nước ta mà nhiều dân tộc trên thế giới cho rằng mọi vật do tạo hoá sinh ra đều có linh hồn; mỗi loại vật, kể cả khoáng vật, thực vật cũng có cuộc sống riêng. Lúc đó người ta chưa phân biệt thế giới hữu sinh và vô sinh. Con người chưa thể lý giải nổi những yếu tố thiên nhiên xung quanh chi phối mình như thế nào nên các vật như hòn đá, thân cây, con vật có quan hệ mật thiết với họ đều được tôn thờ như thần linh. Trong ngôn ngữ nhiều nước ở châu Âu (như tiếng Pháp), mọi vật trong tạo hoá hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng đều mang khái niệm âm - dương, đều có giống đực, giống cái. Đó là chứng cứ xuất xứ tục bái vật hiện còn tồn tại ở nhiều dân tộc trên thế giới và một vài dân tộc ở miền núi nước ta.

Ở nước ta, hòn đá trên chùa, cây đa đầu đình, giếng nước, cửa rừng cũng được nhân dân thờ cúng, coi đó là một biểu tượng, nơi ẩn

hiện của một vị thiên thần hoặc nhân thần nào đó. Người ta "sợ thần sợ cả cây đa" mà cúng cây đa, đó không thuộc vào tục bái vật. Cũng như người ta lễ Phật, thờ Chúa, quỳ trước tượng Phật, tượng Chúa, lễ Thần, quỳ trước long ngai của Thần, những Thần đó có thần hiện rõ ràng, chứ không phải lạy khúc gỗ hay hòn đá như tục bái vật.

Xa xưa, ở nước ta có tục bái vật không? Câu trả lời chưa được làm rõ. Ngày nay chỉ còn lại vài dấu vết trong phong tục. Ví dụ, bình vôi là bà chúa trong nhà, chưa ai định danh là bà chúa gì, nhưng bình vôi tượng trưng cho uy quyền chúa nhà, nhà nào cũng có bình vôi. Khi con dâu về nhà, mẹ chồng tạm lánh ra ngõ cũng mang bình vôi theo, nghĩa là tạm lánh nhưng luôn nắm giữ uy quyền. Khi lỡ làm vỡ bình vôi thì đem mảnh bình vôi còn lại cất ở chỗ uy nghiêm hoặc đưa lên đình, chùa, không vứt ở chỗ ô uế.

Gỗ chò là loại gỗ quý, gỗ thiêng, chỉ được dùng để xây dựng đình chùa, nhà thờ. Nhân dân không ai được dùng gỗ chò làm nhà riêng. Ngày xưa trong đám củi theo lũ cuốn về xuôi, nếu có gỗ chò, các cụ còn mặc áo thụng ra lạy.

Còn như tục kiêng vứt chân hương vào thùng rác hoặc chỗ dơ bẩn, kiêng dùng giấy có chữ Nho vào việc ướm tạp, đó là vì ý thức tôn sùng

thần linh, cụ thể là đức Khổng Tử, chứ không phải sợ hồn của chân hương hay tờ giấy. Đó không phải là tục bái vật.

### **Lễ cúng giỗ vào ngày nào?**

Lễ cúng giỗ vào đúng ngày mất hay trước ngày mất một ngày? Có người cho rằng phải cúng vào ngày đang còn sống (tức là trước ngày mất), có người lại cho rằng "trẻ dôi ra, già rút lại", vậy nên chết trẻ thì cúng giỗ đúng ngày chết, còn người già thì cúng trước một ngày.

Theo âm Hán, ngày giỗ là húy nhật hay kỵ nhật, tức là lễ kỷ niệm ngày mất của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, cũng có nghĩa là ngày kiêng kỵ.

Ngày trước, lễ giỗ gọi là lễ chính kỵ; chiều hôm trước lễ chính kỵ có lễ tiên thường (nghĩa là nếm trước), con cháu sắm sanh một ít lễ vật, dâng lên mời gia tiên nếm trước. Ngày xưa, những nhà phú hữu mời thông gia, bà con làng xóm đến ăn giỗ cả hai lễ tiên thường và chính kỵ. Dần dần vì khách đông phải chia ra hai lượt; lại có những nhà hàng xóm mời cả hai vợ chồng nên luân phiên nhau, người đi lễ tiên thường, người đi lễ chính kỵ. Ở nông thôn tùy theo thời vụ, muốn "vừa được buổi cày vừa hay bữa giỗ", buổi chiều đi làm đồng về, sang hàng xóm ăn giỗ tiện hơn nên có nơi lễ tiên thường đông hơn lễ chính kỵ. Dần dần hoặc vì bận việc



hoặc vì kinh tế eo hẹp hoặc vì thiếu người phục dịch, người ta giản lược đi, chỉ mời khách một lần nhưng hương hoa, trầu rượu vẫn cúng cả hai lễ. Một vài nhà làm, những người khác thấy thuận tiện bắt chước, dần dần trở thành tục lệ của địa phương. Việc cúng ngày sống (tức lễ tiên thường vào chiều hôm trước, trước đây chỉ cúng vào buổi chiều vì buổi sáng còn mua sắm nấu nướng và ra khấn ở mộ yết cáo với thổ thần, long mạch xin phép cho gia tiên về nhà dự lễ giỗ). Cúng ngày sống hay cúng ngày chết, hay nói cách khác lễ tiên thường hay lễ chính kỵ, lễ nào quan trọng hơn, chẳng qua đó là cách biện hộ cho phong tục của từng địa phương.

Nếu vận dụng đúng phong tục cổ truyền phổ biến trong cả nước thì trước ngày chết (lễ tiên thường) phải cúng chiều, đúng ngày chết (lễ chính kỵ) phải cúng buổi sáng kể cả chiều hôm đó mới chết.

### **Mấy đời tống giỗ?**

Theo gia lễ *Ngũ đại mai thân chủ*, hễ đến năm đời thì lại đem chôn thân chủ của cao tổ đi mà nhấc lần tầng tổ khảo lên bậc trên rồi đem ông mới mất thế vào thân chủ ông khảo.

Theo nghĩa cửu tộc (9 đời): cao, tầng, tổ, phụ (4 đời trên); thân mình và tử, tôn, tầng tôn, huyền tôn (4 đời dưới mình).

Như vậy là chỉ có 4 đời làm giỗ (cao, tăng, tổ, phụ) tức là kỵ (hay can), cụ (hay cố), ông bà, cha mẹ.

Từ "cao" trở lên gọi chung là tiên tổ thì không cúng giỗ nữa mà nhập chung vào kỳ xuân tế, hoặc phụ tế vào ngày giỗ của thủy tổ.

### **Trường hợp chết yếu có cúng giỗ không?**

Có hai trường hợp:

- Những người đã đến tuổi thành thân, thành nhân nhưng khi chết chưa có vợ hoặc mới có con gái, chưa có con trai, hoặc đã có con trai nhưng ít lâu sau con trai cũng chết, trở thành phạp tự (không có con trai nối dòng). Những người đó có cúng giỗ. Người lo việc giỗ chạp là người cháu (con trai của anh hoặc em ruột) được lập làm thừa tự. Người cháu thừa tự được hưởng một phần hoặc toàn bộ gia tài của người đã khuất. Sau khi người thừa tự mất thì con cháu người thừa tự đó tiếp tự.

- Những người chưa đến tuổi thành thân (dưới 16 hoặc dưới 18 tuổi, tùy theo tục lệ địa phương) sau khi hết lễ tang yết cáo với tổ tiên xin phụ thờ theo tiên tổ (gọi chung trong các bài văn cúng các bậc gia tiên là: phụ vị thương vong tòng tự - không đặt linh vị từng vong hồn). Những người đó không có lễ giỗ riêng, ai có cúng giỗ chỉ là ngoại lệ. Có những gia đình bữa

nào cũng xới thêm một bát cơm, một đôi dĩa đặt bên cạnh mâm, coi như người thân còn sống trong gia đình. Điều này không có trong gia lễ nhưng thuộc vào tâm linh, niềm tưởng vọng đối với thân nhân đã khuất.

### **Cúng giỗ**

Theo tập quán lâu đời, dân ta lấy ngày giỗ (ngày mất) làm trọng, cho nên ngày đó, ngoài việc thăm phần mộ, tùy gia cảnh và tùy vị trí người đã khuất mà cúng giỗ. Đây cũng là dịp thăm người thân trong gia đình, trong chi họ, dòng họ, họp mặt để tưởng nhớ người đã khuất và bàn việc người sống giữ gìn gia phong. Vào dịp đó người ta thường tổ chức ăn uống, nên mới gọi là ăn giỗ, thì cũng là "trước cúng sau ăn", để cho cuộc họp mặt thêm đậm đà ấm cúng, kéo dài thời gian sum họp, kể chuyện tâm tình, chuyện làm ăn. Chi phí cũng không dồn lên đầu một ai vì ngoài phần do hương hoả mà có, mỗi người đều đóng góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật, nên mới có từ "góp giỗ". Với ý nghĩa trên - "uống nước nhớ nguồn"- việc đó có thể xếp vào loại thuần phong mỹ tục, nếu như người ta loại bỏ được những hủ tục có tính chất mê tín dị đoan, nếu như không bị lợi dụng làm cơ hội cho bọn hãnh tiến khoe của bằng mâm cao cỗ đầy, sơn hào hải vị, cho những ông tham nhũng dựa

vào chúc quyền nhận lễ giỗ hậu hĩnh, một thứ đút lót trá hình.

Chính vì thế theo phong tục đó mà Nhà nước ta đã giữ gìn việc tổ chức trang nghiêm ngày giỗ của các vị anh hùng dân tộc có công dựng nước và giữ nước như ngày Giỗ Tổ Hùng Vương,... Vì vậy, việc giữ gìn tục lệ đó theo ý nghĩa trong sáng của nó không có gì phải bàn.

### **Tết Nguyên đán có từ bao giờ?**

Nguồn gốc Tết Nguyên đán, hay nói ngắn hơn là Tết, có từ đời Ngũ Đế, Tam Vương.

Đời Tam Vương, nhà Hạ, chuộng màu đen, nên chọn tháng đầu năm, tức tháng Giêng, nhằm tháng dần (con hổ) và do đó Tết Nguyên đán vào đầu tháng dần.

Nhà Thương thích màu trắng, lấy tháng Sửu (con trâu), tháng chạp làm tháng đầu năm.

Qua nhà Chu (năm 1050 - 256 trước Công nguyên), ưa màu đỏ, chọn tháng Tý (con chuột), tháng mười một làm tháng Tết.

Các vua chúa nói trên, theo ngày giờ, lúc mới tạo thiên lập địa (nghĩa là giờ tý thì có trời, giờ Sửu thì có đất, giờ dần sinh loài người) mà đặt ra ngày Tết khác nhau.

Đến đời Đông Chu, Khổng Phu Tử ra đời, đổi ngày Tết vào một tháng nhất định: tháng dần.

Mãi đến đời Tần (thế kỷ thứ III trước Công

nguyên), Tần Thủy Hoàng lại đổi ngày Tết vào tháng Hợi (con lợn), tức tháng mười.

Cho đến khi nhà Hán trị vì, Hán Vũ Đế (140 trước Công nguyên) lại đặt ngày Tết vào tháng Dần (tức tháng giêng) như đời nhà Hạ, và từ đó về sau, trải qua bao nhiêu thời đại, không còn nhà vua nào thay đổi về tháng Tết.

Đến đời Đông Phương Sóc, ông cho rằng ngày tạo thiên lập địa có thêm giống gà, ngày thứ hai có thêm chó, ngày thứ ba có lợn, ngày thứ tư sinh dê, ngày thứ năm sinh trâu, ngày thứ sáu sinh ngựa, ngày thứ bảy sinh loài người và ngày thứ tám mới sinh ra ngũ cốc.

Vì thế, ngày Tết thường được tính từ ngày mồng Một đến hết ngày mồng Bảy<sup>1</sup>.

### **Ngày Tết có những phong tục gì?**

Dân tộc ta có nhiều ngày tết. Tết là cách nói tắt hai chữ lễ tiết. Có Tết Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên, Thanh minh, Đoan ngo, Trung thu... Ngày Tết được đề cập ở đây là nói tắt lễ tiết Nguyên đán (ngày đầu năm).

Ngày Tết, dân tộc ta có nhiều phong tục hay, như khai bút, khai canh, hái lộc, chúc tết, du xuân, mừng thọ... Từ trẻ đến già ai ai cũng biết,

---

1. Xem Nguyễn Đình Khang: “Tết Nguyên đán”, báo *Đường sắt Việt Nam*, số Xuân năm 1994.

không nhắc thì thanh thiếu niên cũng mua cho được cành hoa, bánh pháo, nhà nghèo cũng có bánh chưng, chai rượu.

*Tống cựu nghênh tân*: nghĩa là cuối năm quét dọn sạch sẽ nhà cửa, sân ngõ, vứt bỏ những thứ rác rưởi, cùng làng xóm dọn dẹp nhà thờ, đình chùa, đường sá phong quang, tắm giặt, cắt tóc, may sắm quần áo mới, trang trí bàn thờ, lau chùi bàn ghế, ấm, chén và chuẩn bị mọi thứ thức ăn, vật dụng.

Nhiều gia đình nhắc nhở, dặn dò con cháu từ phút giao thừa trở đi không quấy khóc, không nghịch ngợm, không cãi cọ nhau, không nói tục chửi bậy, không vứt rác, viết vẽ bừa bãi; cha mẹ, anh chị cũng không quở mắng, phạt con em, đối với ai cũng tay bắt mặt mừng, vui vẻ niềm nở dù lạ hay quen.

Đối với bà con hàng xóm dù trong năm cũ có điều gì không hay không phải, điều nặng tiếng nhẹ hay xích mích gì đều xí xoá hết. Dù có thực lòng hay không nhưng người nào cũng có vẻ ôn tồn hoà nhã, chuyện cũ cho qua không để bụng, cũng không ai nói khích bác hoặc bóng gió, ác ý gì trong những ngày đầu năm. Dù mới gặp nhau ít phút trước, nhưng sau phút giao thừa coi như mới gặp, người ta chúc nhau những điều tốt lành.

*Hái lộc, xông nhà, chúc Tết, mừng tuổi*: Mọi

người ai cũng hy vọng một năm mới tài lộc dồi dào, làm ăn thịnh vượng, mạnh khoẻ, tiến bộ, thành đạt hơn năm cũ. Lộc tự nhiên đến, càng sớm càng tốt, nhưng nhiều chủ nhà chủ động tự mình đi hái lộc (chỉ là một cành non ở đình chùa, ở chốn tôn nghiêm mang về nhà), tự mình xông nhà hoặc dặn trước người "nhẹ vía" mà mình thích đến xông nhà, bạn nào vinh dự được người khác mời đến xông nhà thì nên chú ý, chớ có sai hẹn sẽ xúi quẩy cả năm đối với gia đình chủ nhà và cả đối với bạn. Ở thành thị trước đây, sáng mồng một, có một số người nghèo gánh một gánh nước đến nhà các gia đình giàu có lân cận và chúc họ "Lộc phước dồi dào". Những người này được thưởng tiền rất hậu. Nhiều người không tin tục xông nhà nhưng cũng phải dè dặt, chưa dám đến nhà ai sớm, sợ trong năm mới gia đình người ta xảy ra chuyện gì không hay lại đổ tại mình "nặng vía". Vì vậy, đáng lẽ sáng mồng Một đông vui lại hoá ít khách, trừ những nhà đã tự xông nhà, vì tục xông nhà chỉ tính người đầu tiên đến nhà, từ người thứ hai trở đi không tính.

Sau giao thừa có tục mừng tuổi chúc Tết. Trước hết con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ. Ông bà, cha mẹ cũng chuẩn bị một ít tiền để mừng tuổi cho con cháu trong nhà và con cháu hàng xóm, bạn bè thân thích. Lời chúc có ca, có

kệ nhưng xem người ta thích nhất điều gì thì chúc điều đó, chúc sức khoẻ là phổ biến nhất. Chú ý tránh phạm tên huý gia tiên, tránh nhắc tới lỗi lầm sai phạm cũ, xưng hô hợp với lứa tuổi và quan hệ thân thuộc. Với những người trong năm cũ gặp rủi ro tai họa thì động viên nhau "của đi thay người", "tai qua nạn khỏi", nghĩa là ngay trong cái họa cũng tìm thấy cái phúc, hướng về sự tốt lành. Kể cả đối với người phạm tội vẫn với thái độ nhẹ nhàng, khoan dung. Nhưng, nhìn chung trong những ngày đầu năm, người ta thường kiêng không nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa.

Quanh năm làm ăn vất vả, ít có điều kiện qua lại thăm hỏi nhau, nhân ngày Tết đến chúc mừng nhau, gắn bó tình cảm thật là đậm đà ý vị; mời nhau hoặc điếu thuốc, miếng trầu, hoặc chén trà, ly rượu. Nhiều vùng nông thôn, hễ đến chúc Tết nhau nhất thiết phải nâng ly rượu, nếm vài món thức ăn gì đó thì chủ nhà mới vui lòng, năm mới từ chối sợ bị giông cả năm.

*Quà Tết, lễ Tết:* Bình thường qua lại hỏi thăm nhau có khi cũng có quà, biểu lộ mối ân tình, nhưng phong tục đi lễ Tết vẫn có ý nghĩa hơn, nhất là đi trước Tết càng quý. Loại trừ động cơ hối lộ quan trên để cầu danh, cầu lợi thì việc biếu quà Tết, tỏ ân nghĩa tình cảm là điều



đáng quý. Học trò tết thầy giáo, bệnh nhân tết thầy thuốc, con rể tết bố mẹ vợ... thì quà biếu, quà Tết đó không đánh giá theo giá thị trường. Nhưng cũng đừng nên gò bó, câu nệ sẽ hạn chế tình cảm: không có quà, ngại không dám đến. Dân tộc ta tuy nghèo nhưng vẫn trọng nghĩa tình "Lời chào cao hơn mâm cỗ".

*Lễ mừng thọ:* Ở các nước Tây Âu thường mừng thọ vào dịp kỷ niệm ngày sinh, ở nước ta ngày xưa ít ai nhớ chính xác ngày sinh nên vào dịp đầu xuân thường tổ chức mừng thọ lục tuần, thất tuần, bát tuần, cử tuần... tính theo tuổi mụ. Ngày Tết, ngày xuân cũng là dịp mọi người đang rảnh rỗi, con cháu tụ tập đông vui.

*Câu chuyện khai bút:* Khai bút là một tục hay, tiếc rằng ngày nay ít ai chú ý. Khai bút là nắn nét, thận trọng viết những dòng chữ đầu năm. Giao thừa xong, khai bút chữ tốt văn hay tức là báo hiệu sang năm học hành tấn tới, thi cử gặp may. Làng xã có nhiều bài khai bút hay, đọc trong buổi bình văn khai hạ là làng có văn phong rạng rỡ, địa linh nhân kiệt.

Cũng vào dịp đầu xuân, nhà nông *khai canh*, thợ thủ công *khai công*, người buôn bán *mở cửa hàng lấy ngày*. Sĩ, nông, công, thương - "tứ dân bách nghệ" của dân tộc ta vốn cần cù, ai cũng muốn năm mới vận hội hanh thông, làm ăn suôn sẻ, đầu xuân chọn ngày tốt đẹp, bắt tay

lao động sớm, tránh tình trạng cờ bạc, rượu chè, hội hè đình đám, vui chơi quá đà. Sau ngày mồng Một, dù có mãi vui Tết, hoặc còn kế hoạch du xuân, đón khách, cũng chọn ngày "khai nghề", "làm lấy ngày". Nếu như mồng Một là ngày tốt thì chiều mồng Một đã bắt đầu. Người thợ thủ công nếu chưa ai thuê muốn đầu năm thì cũng tự làm cho gia đình mình một sản phẩm, dụng cụ gì đó (nguyên vật liệu đã chuẩn bị sẵn). Với người buôn bán ai cũng muốn chọn ngày tốt nên phiên chợ đầu xuân vẫn đông, mặc dù người bán chỉ bán lấy lệ, người đi chợ phần lớn là đi chơi xuân.

*Cờ bạc:* Ngày xưa các gia đình có nên nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc, uống rượu nhưng trong dịp Tết, nhất là tối 28, 29 tháng chạp; gia đình quây quần bên nồi bánh chưng thì ông bố cho phép vui chơi, có cả trẻ con, người lớn, những nhà hàng xóm, những gia đình thân cận cùng vui. Tam cúc, cờ gánh, cờ nhảy, cờ tướng, kiệu, chắn, tổ tôm... ai thích trò nào chơi trò ấy. Đến lễ khai hạ, tiễn đưa gia tiên, coi như hết Tết thì xé bộ tam cúc, thu bàn cờ tướng, cất bộ tổ tôm hoặc đốt luôn khi hoá vàng.

Tóm lại, ngày Tết là ngày tiêu biểu cho truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Cần tiếp tục gìn giữ và phát huy thuần

phong mỹ tục đó, từ gia đình ra xã hội, ai ai cũng đối xử với nhau trên thuận dưới hoà, kính già yêu trẻ... đất nước, quê hương sẽ tươi đẹp, giàu mạnh.

### **Vì sao kiêng hót rác đổ đi trong ba ngày Tết?**

Trong *Sưu thần ký* có chuyện người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì giàu to. Một hôm, nhân ngày mồng một Tết, Âu Minh đánh nó, nó chui vào đồng rác mà biến mất, từ đó nhà Âu Minh lại nghèo đi. Kể từ đó có tục kiêng không dám hót rác vào ngày Tết.

Tục kiêng này bắt nguồn từ Trung Quốc và đến nay vẫn có nhiều người theo.

Vì kiêng hót rác trong ba ngày Tết nên ngày 30 tháng chạp, dù bận rộn đến đâu cũng phải dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ và những ngày Tết, mọi người phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, không vứt rác bừa bãi.

### **Tại sao cúng giao thừa ở ngoài trời?**

Dân tộc nào cũng coi phút giao thừa là thiêng liêng. Các cụ xưa quan niệm: Mỗi năm Thiên đình lại thay toàn bộ quan quân trông

nom công việc dưới hạ giới, đứng đầu là một ngài có vị trí như quan toàn quyền. Năm nào quan toàn quyền anh minh, liêm khiết thì hạ giới được nhờ như được mùa, ít thiên tai, không có chiến tranh, bệnh tật... Trái lại, ông quan lười biếng, kém cỏi, tham lam... thì hạ giới chịu mọi thứ khổ. Và các cụ hình dung phút giao thừa là lúc bàn giao, các quan quân quản hạ giới hết hạn kéo về trời và quan quân mới được cử thì ào ạt kéo xuống hạ giới tiếp quản thiên hạ.

Các cụ cũng hình dung phút ấy ngang trời quân đi, quân về đầy không trung tấp nập, vội vàng, thậm chí có quan, quân còn chưa kịp ăn uống.

Những phút ấy, các gia đình mang xôi gà, bánh trái, hoa quả, đồ ăn nguội ra ngoài trời cúng, với lòng thành tiễn đưa người nhà trời đã cai quản mình năm cũ và đón người nhà trời mới xuống làm nhiệm vụ cai quản hạ giới năm tới. Vì việc bàn giao, tiếp quản công việc hết sức khẩn trương nên các vị không thể vào trong nhà khê khà mâm bát mà chỉ có thể dừng vài giây ăn vội vàng hoặc mang theo, thậm chí chỉ chứng kiến lòng thành của chủ nhà<sup>1</sup>.

---

1. Lê Mai sưu tầm, báo *Phụ nữ Hà Nội*.

### **Tại sao có Tết Hàn thực (mồng 3 tháng 3)?**

Theo phong tục cổ truyền, ngày mồng 3 tháng 3, tức Tết Hàn thực, ta làm bánh trôi, bánh chay. Tết này có xuất xứ từ Trung Quốc, cúng giỗ ông Giới Tử Thôi, một hiền sĩ có công phò vua Tấn Văn Công, đời Xuân Thu, bị chết cháy ở núi Điền Sơn.

Nhân dân ta theo tục đó nhưng chỉ cúng gia tiên nhà mình.

### **Tại sao có Tết Đoan ngọ (mồng 5 tháng 5)?**

Ở nước ta, Tết Đoan ngọ (Tết Đoan dương) được coi trọng, xếp vào hàng thứ hai sau Tết Nguyên đán. Vì vậy các cụ thường nói "Mồng 5 ngày Tết", học trò tết thầy, con rể tết bố mẹ vợ... quanh năm cũng chỉ tập trung vào hai lễ Tết đó.

Tết này vốn có xuất xứ là ngày giỗ của ông Khuất Nguyên, người Xuân Thung, dưới thời cai trị của Sở Hoài Vương. Khuất Nguyên vốn là trung thần của vua Sở, vì can ngăn vua không được,... bực mình ông ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La tự vẫn. Hôm ấy là ngày 5 tháng 5. Nhân dân tiếc người trung nghĩa, hàng năm đến ngày ấy làm bánh ngọt, quán chỉ ngũ sắc bên ngoài rồi bơi thuyền ra giữa dòng sông, ném bánh xuống để cúng ông. Quán chỉ ngũ sắc là có ý làm cho cá sợ, khỏi đớp mất.

Tết Đoan Ngọ còn nhiều tục lưu truyền đến nay: Sáng sớm cho trẻ ăn hoa quả, rượu nếp, trứng luộc, bôi hồng hoàng vào thóp đầu, vào ngực, vào rốn để giết sâu bọ. Người lớn thì giết sâu bọ bằng cách uống rượu (hoà ít tam thân đơn) hoặc ăn rượu nếp. Trẻ em giết sâu bọ ngay khi còn ngồi trên giường, rồi rửa mặt mũi, chân tay xong bắt đầu nhuộm móng tay móng chân, đeo chỉ ngũ sắc. Em gái đến độ tuổi bím lỗ tai cũng chọn ngày này. Vì là Đoan Ngọ nên lễ cúng gia tiên phải cúng vào giờ Ngọ (buổi trưa). Tục hái thuốc mồng năm cũng bắt đầu từ giờ Ngọ, đó là giờ có dương khí tốt nhất trong cả năm, lá cây cỏ thu hái được trong giờ đó có tác dụng chữa bệnh tốt, nhất là các chứng ngoại cảm, các chứng âm hư. Người ta hái bất kỳ loại lá gì có sẵn trong vườn, trong vùng, miễn sao đủ trăm loại, nhiều ít không kể, tuy vậy, nhân dân ta quen dùng thảo mộc chữa các chứng bệnh, biết phân biệt loại có độc. Ngược lại, các cây cỏ chữa bệnh thông thường có tác dụng trừ phong ích khí thì hái nhiều hơn như ích mẫu, ngải cứu, sả, tía tô, kinh giới, lá tre, lá bưởi, cam, chanh, quýt, mít, muỗm, hành, tỏi, gừng, chè, ổi, trầu không, sài đất, sống đời, bồ công anh, sen, vông, lạc tiên, nhọ nồi...

## VII. VỀ ÂM - DƯƠNG, NGŨ HÀNH

**Thế nào là âm - dương, ngũ hành?**

*Thế nào là âm - dương?*

Âm và dương theo khái niệm cổ sơ không phải là vật chất cụ thể, không gian cụ thể mà là thuộc tính của mọi hiện tượng, mọi sự vật trong toàn vũ trụ cũng như trong từng tế bào, từng chi tiết. Âm và dương là hai mặt đối lập, mâu thuẫn thống nhất, trong dương có mầm mống của âm và ngược lại.

*Thế nào là ngũ hành?*

Theo thuyết duy vật cổ đại, tất cả mọi vật chất cụ thể được tạo nên trong thế giới này đều do năm yếu tố ban đầu là nước, lửa, đất, cây cỏ và kim loại, tức năm hành thủy, hỏa, thổ, mộc, kim. Để giúp các bạn dễ nhớ ngũ hành tương sinh và tương khắc, chúng tôi nêu ví dụ mộc mạc đơn giản theo mấy vần thơ như sau:

*Ngũ hành sinh: thuộc lẽ thiên nhiên*

*Nhờ nước cây xanh mộc lớn lên (thủy sinh mộc)*

*Cây cỏ làm môi nhen lửa đỏ (mộc sinh hỏa)  
Tro tàn tích lại đất vàng thêm (hỏa sinh thổ)  
Lòng đất tạo nên kim loại trắng (thổ sinh kim)*

*Kim loại vào lò chảy nước đen (kim sinh thủy)*

*Ngũ hành tương khắc lẽ xưa nay  
Rễ cỏ đâm xuyên lớp đất dày (mộc khắc thổ)  
Đất đắp đê cao ngăn nước lũ (thổ khắc thủy)  
Nước dội nhiều nhanh dập lửa ngay (thủy khắc hỏa)*

*Lửa lò nung chảy đồng sắt thép (hỏa khắc kim)*

*Thép cứng rèn dao chặt cỏ cây (kim khắc mộc).*

Căn cứ nhận xét lâu đời về giới tự nhiên, người xưa đã nhận xét thấy sự biến hóa không ngừng của sự vật (thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Lưỡng nghi là âm và dương, tứ tượng là thái âm, thái dương, thiếu âm và thiếu dương. Bát quái là càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn và đoài).

Người ta còn nhận thấy rằng cơ cấu của sự biến hóa không ngừng đó là ức chế lẫn nhau, giúp đỡ, ảnh hưởng lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau.

Để biểu thị sự biến hoá không ngừng và quy



luật của sự biến hoá đó, người xưa đặt ra "Thuyết âm - dương".

Âm - dương không phải là thứ vật chất cụ thể mà thuộc tính mâu thuẫn nằm trong tất cả mọi sự vật. Nó giải thích hiện tượng mâu thuẫn chi phối mọi sự biến hóa và phát triển của sự vật.

Nói chung, phàm cái gì có tính chất hoạt động, hưng phấn, tỏ rõ, ở ngoài, hướng lên, vô hình, nóng rực, sáng chói, rắn chắc, tích cực đều thuộc dương.

Tất cả những cái gì trầm tĩnh, ức chế, mờ tối, ở trong, hướng xuống, lùi lại, hữu hình, lạnh lẽo, đen tối, nhu nhược, tiêu cực đều thuộc âm.

Từ cái lớn như trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đến cái nhỏ như con sâu, con bọ, cây cỏ, đều được quy vào âm dương.

Ví dụ về thuộc dương trong thiên nhiên có: mặt trời, ban ngày, mùa xuân, hè, đông, nam, phía trên, phía ngoài, nóng, lửa, sáng. Thuộc âm có: mặt trăng, ban đêm, thu, đông, tây, bắc, phía dưới, phía trong, lạnh, nước, tối.

Trong con người, dương là mé ngoài, sau lưng, phần trên, lục phủ, khí, vệ; âm là mé trong, trước ngực và bụng, phần dưới ngũ tạng, huyết, vinh.

Âm - dương tuy bao hàm ý nghĩa đối lập mâu

thuần nhưng còn bao hàm cả ý nghĩa nguồn gốc ở nhau, hỗ trợ, chế ước nhau mà tồn tại. Trong âm có mầm mống của dương, trong dương lại có mầm mống của âm<sup>1</sup>.

Về căn bản, thuyết ngũ hành cũng là một cách biểu thị luật mâu thuẫn đã giới thiệu trong thuyết âm dương, nhưng bổ sung và làm cho thuyết âm dương hoàn bị hơn.

Ngũ hành là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Người xưa cho rằng mọi vật trong vũ trụ đều do 5 chất phối hợp nhau mà tạo nên.

Theo tính chất, thủy là lỏng, là nước thì đi xuống, thấm xuống. Hỏa là lửa thì bùng cháy, bốc lên.

Mộc là gỗ, là cây thì mọc lên cong hay thẳng.

Kim là kim loại, thuận chiều hay đổi thay.

Thổ là đất để trồng trọt, gầy giống được.

Tinh thần cơ bản của thuyết ngũ hành bao gồm hai phương diện giúp đỡ nhau gọi là tương sinh và chống lại nhau gọi là tương khắc. Trên cơ sở sinh và khắc lại thêm hiện tượng chế hóa, tương thừa, tương vũ. Tương sinh, tương khắc, chế hóa, tương thừa, tương vũ biểu thị mọi sự biến hoá phức tạp của sự vật.

*Luật tương sinh:* Tương sinh có nghĩa là giúp

---

1. Đỗ Tất Lợi: *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

đỡ nhau để sinh trưởng. Dem ngũ hành liên hệ với nhau thì thấy 5 hành có quan hệ xúc tiến lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau.

Theo luật tương sinh, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy lại sinh mộc và cứ như vậy tiếp diễn mãi, thúc đẩy sự phát triển không bao giờ ngừng. Trong luật tương sinh của ngũ hành còn bao hàm ý nữa là hành nào cũng có quan hệ về hai phương diện: cái sinh ra nó và cái nó sinh ra, tức là quan hệ mẫu tử. Ví dụ: kim sinh thủy thì kim là mẹ của thủy, thủy lại sinh ra mộc vậy mộc là con của thủy.

Trong quan hệ tương sinh lại có quan hệ tương khắc để biểu hiện ý thăng bằng, giữ gìn lẫn nhau.

*Luật tương khắc:* Tương khắc có nghĩa là ức chế và thắng nhau. Trong quy luật tương khắc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc và mộc lại khắc thổ, và cứ như vậy lại tiếp diễn mãi.

Trong tình trạng bình thường, sự tương khắc có tác dụng duy trì sự thăng bằng, nhưng nếu tương khắc thái quá thì làm cho sự biến hoá trở lại khác thường.

Trong tương khắc, mỗi hành cũng lại có hai quan hệ: giữa cái thắng nó và cái nó thắng. Ví dụ hành mộc thì nó khắc thổ, nhưng lại bị kim khắc nó.

Hiện tượng tương khắc không tồn tại đơn độc; trong tương khắc đã có ngụ ý tương sinh, do đó vạn vật tồn tại và phát triển.

Luật chế hóa: Chế hóa là chế ức và sinh hoá phối hợp với nhau. Trong chế hoá bao gồm cả hiện tượng tương sinh và tương khắc. Hai hiện tượng này gắn liền với nhau.

Lẽ tạo hóa không thể không có sinh mà cũng không thể không có khắc. Không có sinh thì không có đầu mà nảy nở; không có khắc thì phát triển quá độ sẽ có hại. Cần phải có sinh trong khắc, có khắc trong sinh mới vận hành liên tục, tương phản, tương thành với nhau.

Quy luật chế hóa ngũ hành là: mộc khắc thổ, thổ sinh kim, kim khắc mộc.

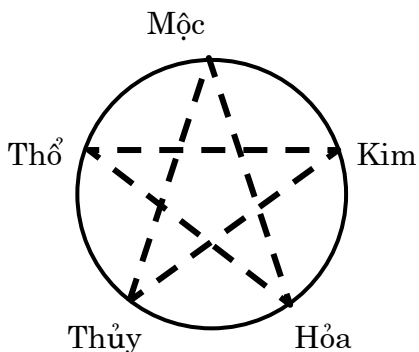
Hỏa khắc kim, kim sinh thủy, thủy khắc hỏa.

Thổ khắc thủy, thủy sinh mộc, mộc khắc thổ.

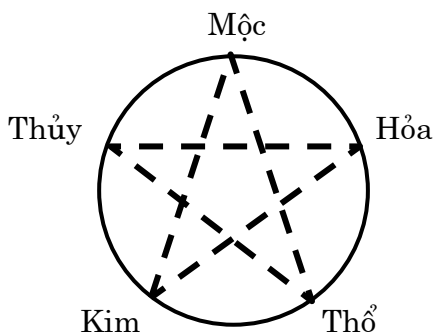
Kim khắc mộc, mộc sinh hỏa, hỏa khắc kim.

Thủy khắc hỏa, hỏa sinh thổ, thổ khắc thủy.

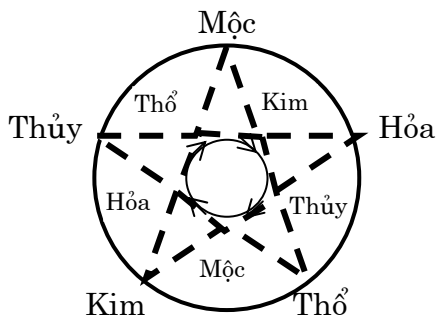
Luật chế hóa là một khâu trọng yếu trong thuyết ngũ hành. Nó biểu thị sự cân bằng tất nhiên phải thấy trong vạn vật. Nếu có hiện tượng sinh khắc thái quá hoặc không đủ thì sẽ xảy ra sự biến hoá khác thường. Sơ đồ dưới đây cho chúng ta thấy mỗi hành đều có mối liên hệ bốn mặt. Cái sinh ra nó, cái nó sinh ra, cái khắc nó và cái bị nó khắc.



a. Ngũ hành tương khắc



b. Ngũ hành tương sinh



c. Quan hệ chế hóa

Nguồn: Đỗ Tất Lợi: *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Sđd.*

## **Lục thập hoa giáp là gì? Cách tính năm, tháng, ngày, giờ theo can - chi**

Lục thập hoa giáp là sự kết hợp 6 chu kỳ hàng can với 5 chu kỳ hàng chi thành hệ 60.

Cách tính năm, tháng, ngày, giờ đều theo hệ số đó, gọi là lịch can chi. Có 6 chu kỳ hàng can tức là có 6 con giáp mà mỗi chu kỳ hàng can hay mỗi giáp gồm 10 can (đó là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) nên gọi là lục thập hoa giáp.

Năm: Hết một vòng 60 năm từ Giáp Tý đến Quý Hợi. Từ năm thứ 61 trở lại Giáp Tý, năm thứ 121, 181... cũng trở lại Giáp Tý. Đó là một điều trở ngại cho việc nghiên cứu sử, nếu không ghi triều vua nào thì rất khó xác định. Một gia đình có ông và cháu cùng một tuổi, có khi tính tuổi cháu nhiều hơn tuổi ông, vậy nên khi tính thành dương lịch cần phải chú ý cộng trừ bội số của 60.

Con số cuối cùng của năm dương lịch ứng với các can:

0: Canh (ví dụ: Canh Tý 1780)	5: Ất (ví dụ: Ất Dậu 1945)
1: Tân (ví dụ: Tân Mùi 1991)	6: Bính
2: Nhâm	7: Đinh
3: Quý	8: Mậu
4: Giáp	9: Kỷ

## **Cách đổi ngày dương lịch ra ngày can - chi**

Ngày can chi theo chu kỳ 60, độc lập không lệ thuộc vào năm tháng âm lịch hay năm tháng can chi (kể cả tháng nhuận). Tính ngày can chi chuyển đổi sang âm lịch rất phức tạp vì tháng âm lịch thiếu đủ từng năm khác nhau, ngược lại tính ngày can chi theo dương lịch đơn giản hơn.

Cách tính ngày dương lịch ra ngày can chi:

Mỗi năm dương lịch có 365 ngày, nghĩa là 6 chu kỳ lục thập hoa giáp cộng thêm 5 ngày lẻ. Năm nhuận có thêm một ngày 29-2 tức là 366 ngày, thì cộng thêm 6 ngày lẻ. Nếu lấy ngày 1-3 là ngày khởi đầu thì các ngày sau đây trong mọi năm cùng can chi giống ngày 1-3: 1-3, 30-4, 29-6, 28-8, 27-10, 26-12, 24-2 năm sau đó. Nếu biết ngày 1-3 (hay một trong bảy ngày trên) là ngày gì, ta dễ dàng tính nhẩm những ngày bất kỳ trong năm (gần với một trong bảy ngày nói trên).

Nếu muốn tính những ngày 1-3 năm sau hay năm sau nữa chỉ cần cộng thêm số dư là 5 đối với năm thường (tức là từ ngày 24 đến ngày 28-2) hoặc là 6 đối với năm nhuận (có thêm ngày 29-2).

Ví dụ ngày 1-3-1995 là ngày Tân Mão, vậy ngày 24-2-1996 cũng là ngày Tân Mão, từ đó tính nhẩm ngày 25-2-1996 là ngày Nhâm Thìn,

ngày 26-2-1996 là ngày Quý Tỵ, ngày 27-2-1996 là ngày Giáp Ngọ, (năm 1996 có số hàng chục hàng đơn vị chia hết cho 4 tức là năm nhuận có ngày 29-2).

Ta đã biết ngày 1-3-1996 là ngày Đinh Dậu vậy ngày 24-2-1997 cũng là ngày Đinh Dậu. Chỉ cần cộng thêm 5 ngày. Ta dễ dàng tính ra ngày 1-3-1997 là ngày Nhâm Dần, theo tính nhằm = Đinh đến Nhâm hay Dậu đến Dần = 5 ngày.

Ví dụ: Theo cách tính trên ngày 1-3-1997 là ngày Nhâm Dần, ngày 26-12-1997 cũng là ngày Nhâm Dần, vậy ngày 1-1-1998 sẽ là ngày Mậu Thân (sau đó 6 ngày)...



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
2. Cao Lãng, Xiển Trai: *Lịch triều tạp ký tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phạm Công: “Ông tơ bà nguyệt”, báo *Phụ nữ Hà Nội*, số Xuân Canh Ngọ năm 1990.
4. Cômarốp: *Thiên văn học giải trí*.
5. Bùi Văn Cường: *Nguyễn Khuyến và giai thoại*, Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh, 1987.
6. Chu Xuân Diên biên soạn: *Tục ngữ Việt Nam*.
7. *Nguyễn Du*, Truyện Kiều.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư tập II*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục*.
10. Nguyễn Công Hoan: *Truyện ngắn chọn lọc*.
11. Phạm Đình Hổ: *Vũ trung tùy bút*.
12. *Hợp tuyển thơ văn 1858-1920*.
13. Nguyễn Đình Khang: “Tết Nguyên đán”, báo *Đường sắt Việt Nam*, số Xuân năm 1994.

14. *Lịch thế kỷ XX*, Viện Khoa học Việt Nam.
15. Phan Huy Lê: *Quang Trung Nguyễn Huệ - Con người và sự nghiệp*.
16. Đỗ Tất Lợi: *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
17. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao Việt Nam*.
18. Nhất Thanh: *Đất lề quê thói*, Nxb. Đồng Tháp.
19. *Thọ Mai gia lễ*, Bản chữ Hán của Hồ Sỹ Tân (bản khắc gỗ).
20. *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, Nxb. Văn hóa.
21. Trần Hữu Thung: *Bàn về hát ru con*, Ty Văn hóa Thể thao Nghệ Tĩnh.
22. *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam 1930-1945*, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp.
23. Các sách Hán văn không lưu tên tác giả:
  - *Yếu lược tuyển trạch nhật*
  - *Đồng công tuyển trạch nhật*
  - *Chủ gia yếu lược trạch nhập tập*
  - *Tân tât xu cát thời biểu*
  - *Nhật cước ký dung*
  - *Nhị thập bát tú*
  - *Vạn bảo toàn thư*
  - *Ngọc Hạp ký*
  - *Cát hung tinh nghi ký*
  - *Phùng Thị cảm nang bí lục*

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Cùng bạn đọc</i>	7
<b>I. Hôn nhân</b>	9
- Nam nữ thụ thụ bất thân nghĩa là gì?	9
- Mối lái là gì?	10
- Lễ vấn danh có ý nghĩa gì?	12
- Nên hiểu “Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống” như thế nào?	14
- “Giọt máu đào” trong hôn nhân?	15
- Sự tích tơ hồng	17
- Tục thách cưới	18
- Bánh su sê hay bánh phu thê?	21
- Tiền nạp cheo là gì?	22
- Cách gỡ bí cho bạn trẻ khi lo đám cưới	23
- Cô dâu trước khi về nhà chồng cần phải có những thủ tục, động tác gì?	24
- Lễ xin dâu và thủ tục tiến hành	26
- Mẹ chồng làm gì khi con dâu bắt đầu về nhà?	27
- Tại sao mẹ cô dâu kiêng không đi đưa dâu?	29
- Tại sao trong gói quà mẹ cho con gái trước giờ vu quy có một chiếc trâm hay bảy chiếc kim?	30

- Tại sao phải có phù dâu?	31
- Lễ lại mặt có ý nghĩa gì?	32
- Khi người đàn bà tái giá có những thủ tục gì?	33
- Tại sao “nạ dòng” không lấy được “traai tơ”?	37
- Quan hệ vợ cả - vợ lẽ trước đây	38
<b>II. Sinh - dưỡng</b>	40
- Dạy con từ thuở còn trong bụng mẹ	40
- Tại sao có tục xin quần áo cũ cho trẻ sơ sinh?	42
- Con so về nhà mạ, con rạ về nhà chồng - Tại sao?	43
- Tại sao khi mới sinh ra chưa đặt tên chính (tên húy)?	45
- Tại sao tuổi trong khai sinh, trong văn bằng không đúng với tuổi thực?	47
- Làm lễ yết cáo tổ tiên xin đặt tên cho con vào sổ họ như thế nào?	48
- Con nuôi	49
<b>III. Giao thiệp</b>	55
- Xưng hô thế nào cho đúng?	55
- Vợ chồng xưng hô với nhau thế nào?	57
- Cách xưng hô trong họ	58
- Phải chăng lời chào cao hơn mâm cỗ?	60
- “Nhập gia vấn húy” nghĩa là gì?	61
- Ai vái lạy ai?	63
- Không thầy đố mày làm nên	65
- Miếng trầu là đầu câu chuyện	72
- Tục nhuộm răng và cách nhuộm răng đen	74
- Tại sao gọi là tóc thề?	76
- Màu sắc với truyền thống văn hóa dân tộc	76
- Vì sao có tục bán mở hàng?	78

<b>IV. Đạo hiếu</b>	82
- Đạo hiếu là gì? Đạo hiếu theo quan niệm xưa và nay?	82
- Tục khao lão	89
- Yến lão	90
- Việc họ	93
- Ruộng hương hỏa	96
- Tộc trưởng xưa và nay khác nhau như thế nào?	98
- Thờ vọng và cách lập bàn thờ vọng	99
- Hợp tự là gì? Tại sao phải hợp tự?	102
- Gia phả là gì?	104
<b>V. Việc tang</b>	109
- Thọ Mai gia lễ là gì?	109
- Ba cha, tám mẹ là những ai?	110
- Chúc thư là gì?	111
- Cư tang là gì?	112
- Vì sao có tục mũ giai, đai chuỗi và chống gậy?	113
- Ngũ phục là gì?	114
- Cha mẹ có để tang con không?	121
- Tại sao có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con?	122
- Đám tang trong ngày Tết tính liệu ra sao?	123
- Cưới bên tang là gì?	123
- Người dự đám tang nên như thế nào?	125
- Đi đường gặp đám tang nên như thế nào?	125
- Người sắp chết có những dấu hiệu gì báo trước?	126
- Thân nhân hấp hối, người nhà cần làm gì?	127
- Sau khi thân nhân mất, gia đình cần làm những gì?	128
- Tại sao có tục hú hồn trước khi nhập quan?	132

- Trường hợp chết đã cứng lạnh, người co rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào?	132
- Người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan?	133
- Tại sao phải đề phòng “quỷ nhập tràng”?	133
- Sau lễ thành phục, trước khi an táng phải làm những gì?	134
- Điều hành công việc lễ tang	137
- Lễ an táng tiến hành như thế nào?	139
- Hơi lạnh ở xác chết, cách phòng?	140
- Lễ ba ngày (Lễ tế ngu)	142
- Tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày?	143
- Lễ chung thất và tốt khốc có phải chọn ngày không?	146
- Lễ nào là lễ trọng?	146
- Khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào?	148
- Vì sao có tục đốt vàng mã?	149
- Chiêu hồn nạp táng là gì?	150
- Hình nhân thế mạng là gì?	151
- Tại sao phải cải táng? Những trường hợp nào không nên cải táng?	152
- Thiên táng là gì?	155
- Đất dưỡng thi là gì?	156
- Tại sao kiêng đắp mộ trong vòng tang?	157
- Tại sao cải táng mộ thường tiến hành khi chưa có ánh sáng mặt trời?	157
- Ma trời hay ma chơi?	158
- Tại sao, tại sao và tại sao?	159
<b>VI. Giỗ, tết, tế lễ</b>	162
- Bái vật là gì?	162

- Lễ cúng giỗ vào ngày nào?	164
- Mấy đời tống giỗ?	165
- Trường hợp chết yếu có cúng giỗ không?	166
- Cúng giỗ	167
- Tết Nguyên đán có từ bao giờ?	168
- Ngày Tết có những phong tục gì?	169
- Vì sao kiêng hót rác đổ đi trong ba ngày Tết?	175
- Tại sao cúng giao thừa ở ngoài trời?	175
- Tại sao có Tết Hàn thực (mồng 3 tháng 3)?	177
- Tại sao có Tết Đoan ngọ (mồng 5 tháng 5)?	177
<b>VII. Về âm - dương, ngũ hành</b>	179
- Thế nào là âm - dương, ngũ hành?	179
- Lục thập hoa giáp là gì? Cách tính năm, tháng, ngày, giờ theo can - chi	186
- Cách đổi ngày dương lịch ra ngày can - chi	187
<i>Tài liệu tham khảo</i>	189

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
TS. NGUYỄN DUY HÙNG  
Chịu trách nhiệm nội dung:  
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung: TS. ĐỖ QUANG DŨNG  
ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ  
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG  
NGUYỄN THỊ CHÍNH  
NGUYỄN MINH NGHĨA  
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG  
Sửa bản in: TUỆ VIÊN  
Đọc sách mẫu: THU HƯỜNG





**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT** - 12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, E-mail: suthat@nxbctqg.vn, website: www.nxbctqg.vn

## TÌM ĐỌC

GS. NGND. TRẦN VĂN GIÀU

- Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam

GS. TS. NGUYỄN VĂN HUYỀN (Chủ biên)

- Con người chính trị Việt Nam - Truyền thống và hiện đại

GS. PHAN ĐẠI DOÃN

- Làng xã Việt Nam – Một số vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội



8935211123465